

LỜI MỞ ĐẦU

Doanh nghiệp sản xuất là đơn vị trung tâm tạo ra của cải vật chất cho xã hội nhưng không phải doanh nghiệp nào cũng tồn tại và phát triển được, nhất là trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp rất gay gắt. Sản phẩm mà doanh nghiệp sản xuất rất phong phú và đa dạng để có thể cạnh tranh với những sản phẩm khác trên thị trường thì đòi hỏi doanh nghiệp sản xuất cần phải hạ giá thành sản phẩm đồng thời phải nâng cao chất lượng sản phẩm để phục vụ tốt nhất nhu cầu thị yếu của người tiêu dùng. Muốn vậy thì công tác quản lý từ khâu sản xuất cho đến tiêu thụ cần phải được quản lý một cách khoa học, có hiệu quả nhằm nâng cao lợi nhuận. Để quản lý tốt quá trình đó, hạch toán kế toán là một trong những công cụ hữu ích nhất giúp cho doanh nghiệp kiểm tra giám sát được việc sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn của doanh nghiệp, đảm bảo cho quá trình sản xuất được diễn ra một cách thường xuyên, liên tục, có hiệu quả.

Trong giai đoạn nền kinh tế đang chuyển đổi hiện nay, nó đã và đang tạo ra cơ hội cũng như thách thức cho mỗi doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp phải tự khẳng định mình trên thị trường sao cho có thể tạo ra những sản phẩm tốt nhất phục vụ cho người tiêu dùng với chi phí bỏ ra là thấp nhất.

Với doanh nghiệp sản xuất, trong các yếu tố cấu thành nên giá thành của sản phẩm thì chi phí nguyên vật liệu chiếm trọng yếu lớn trong toàn bộ chi phí để tạo ra sản phẩm, do vậy muốn hạ thấp giá thành sản phẩm thì phải hạ thấp chi phí về nguyên vật liệu. Chính vì vậy, hạch toán nguyên vật liệu là một yếu tố quan trọng giúp doanh nghiệp hạ thấp giá thành sản phẩm và tăng lợi nhuận. Nhận thấy tầm quan trọng của công tác kế toán nguyên vật liệu nhằm đáp ứng các mục tiêu sản xuất kinh doanh, sự cần thiết phải quản lý tiết kiệm nguyên vật liệu nhằm đáp ứng các mục tiêu sản xuất kinh doanh của công ty em lựa chọn đề tài: “Tổ chức công

Khóa luận tốt nghiệp

tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần nuôi trồng và chế biến thực phẩm Nam Triệu”.

Ngoài phần mở đầu và kết luận khóa luận tốt nghiệp được chia làm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận chung về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng về công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần nuôi trồng và chế biến thực phẩm Nam Triệu.

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần nuôi trồng và chế biến thực phẩm Nam Triệu.

Do điều kiện thực tập có hạn và trình độ kiến thức chưa thực sự sâu rộng nên khóa luận tốt nghiệp khó tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong sẽ nhận được những ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo để khóa luận tốt nghiệp được hoàn thiện hơn.

Em xin cảm ơn sự tận tình của cô giáo Lương Khánh Chi cùng các anh chị phòng kế toán – tài chính tại công ty cổ phần nuôi trồng và chế biến thực phẩm Nam Triệu đã giúp em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn!

SINH VIÊN

Nguyễn Thanh Hoa

CHƯƠNG 1:
CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN
NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất.

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm về nguyên vật liệu.

Nguyên vật liệu là đối tượng lao động - một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất là cơ sở vật chất cấu thành nên thực thể sản phẩm, là tài sản ngắn hạn dự trữ sản xuất của doanh nghiệp, có thời gian luân chuyển ngắn hạn thường là một năm. Nó được thể hiện dưới dạng vật hóa như: sắt thép trong doanh nghiệp cơ khí, sợi vải trong doanh nghiệp dệt, con giống trong doanh nghiệp chăn nuôi...

Khác với tư liệu lao động, nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất nhất định và trong quá trình tham gia vào sản xuất, nguyên vật liệu bị tiêu hao hoàn toàn và bị biến đổi hình thái ban đầu để tạo ra hình thái vật chất của sản phẩm. Chính vì vậy, giá trị nguyên vật liệu chuyển dịch toàn bộ vào giá trị sản phẩm mới nên chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ chi phí sản xuất và giá thành. Vì vậy chỉ cần một biến động nhỏ của nguyên vật liệu cũng ảnh hưởng trực tiếp đến những chỉ tiêu quan trọng của doanh nghiệp như: chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, giá thành...

Mặt khác, xét về vốn, nguyên vật liệu là một phần quan trọng của vốn lưu động, đặc biệt là vốn dự trữ và sử dụng vật liệu một cách hợp lý, tiết kiệm.

1.1.2. Phân loại nguyên vật liệu.

Trong các doanh nghiệp sản xuất nguyên vật liệu bao gồm rất nhiều loại khác nhau với nội dung kinh tế, công cụ và tính năng lý hoá học khác nhau, để quản lý một cách chặt chẽ và hạch toán chi tiết với từng loại nguyên vật liệu phục vụ cho kế toán quản trị cần thiết phải tiến hành phân loại nguyên vật liệu.

Căn cứ vào công dụng, vai trò của chúng trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp vật liệu được chia làm các loại sau:

□ Nguyên vật liệu chính (Bao gồm cả nửa thành phẩm mua ngoài): Nguyên vật chính là đối tượng lao động chủ yếu cấu thành nên thực thể chính của sản phẩm như sắt, thép trong các doanh nghiệp chế tạo máy, cơ khí xây dựng cơ bản; bông trong các nhà máy sợi vải trong doanh nghiệp may. Đối với nửa thành phẩm mua ngoài với mục đích tiếp tục sản xuất ra sản phẩm hàng hoá

□ Nguyên vật liệu phụ: Là loại vật liệu chỉ có tác dụng phụ trợ trong sx, được sử dụng kết hợp với vật liệu chính để hoàn thiện và nâng cao tính năng chất lượng của sản phẩm, để đảm bảo cho công cụ lao động được hoạt động bình thường, hoặc được sử dụng để đảm bảo cho nhu cầu kỹ thuật, quản lý (keo hồ, giẻ lau, xà phòng, dầu nhờn...)

□ Nhiên liệu: Là những thứ dùng để cung cấp quá trình nhiệt lượng trong quá trình sản xuất, kinh doanh như than củi, xăng dầu, hơi đốt, khí đốt v.v.

□ Phụ tùng thay thế: Là các chi tiết, phụ tùng dùng để sửa chữa và thay thế cho máy móc thiết bị...

□ Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: Bao gồm các vật liệu và thiết bị (cần lắp và không cần lắp, vật kết cấu, công cụ, khí cụ ...) mà doanh nghiệp mua nhằm mục đích đầu tư cho xây dựng cơ bản.

Khóa luận tốt nghiệp

☐ Phế liệu là các loại vật liệu thu được trong quá trình sản xuất hay thanh lý tài sản, có thể sử dụng hay bán ra ngoài (phôi bào, vải vụn, gạch, sắt...)

☐ Vật liệu khác: Bao gồm các loại vật liệu còn lại ngoài các thứ chưa kể trên như đinh vít... đặc chủng.

Căn cứ vào nguồn hình thành nguyên vật liệu được chia làm các loại sau:

- ☐ Nguyên vật liệu mua ngoài.
- ☐ Nguyên vật liệu tự gia công sản xuất.
- ☐ Nguyên vật liệu nhận cấp phát, biếu tặng...

1.1.3. Xác định giá trị nguyên vật liệu.

1.1.3.1. Xác định giá trị nguyên vật liệu nhập kho.

Đánh giá nguyên vật liệu là xác định giá trị của nguyên vật liệu theo những nguyên tắc nhất định. Trong hạch toán vật liệu được tính theo giá thực tế (giá gốc). Tùy theo doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hay khấu trừ mà trong giá thực tế có thể có thuế GTGT (nếu tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp) hay không có thuế GTGT (nếu tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)

- Đối với nguyên vật liệu mua ngoài:

Trị giá thực tế của NVL nhập kho trong kỳ	=	Giá mua ghi trên hóa đơn	+	Chi phí thu mua thực tế phát sinh	+	Các khoản thuế không được hoàn lại	-	Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua được hưởng
---	---	--------------------------	---	-----------------------------------	---	------------------------------------	---	---

Khóa luận tốt nghiệp

Trong đó:

+ Giá mua ghi trên hóa đơn là giá chưa có VAT (đối với doanh nghiệp tính VAT theo phương pháp khấu trừ), là giá có VAT (đối với doanh nghiệp tính VAT theo phương pháp trực tiếp).

+ Chi phí thu mua là những chi phí phát sinh trong quá trình thu mua: bốc dỡ, lắp đặt, vận chuyển, hao hụt tự nhiên trong định mức, chi phí lưu kho bãi trong quá trình thu mua.

+ Các khoản thuế không được hoàn lại: thường là thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt của hàng nhập khẩu...

+ Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua được hiểu là những khoản được hưởng, được giảm trừ khi mua hàng phát sinh sau khi đã phát hành hóa đơn.

- Đối với nguyên vật liệu do doanh nghiệp tự gia công chế biến:

Trị giá thực tế của NVL nhập kho trong kỳ	=	Trị giá thực tế của vật liệu gia công chế biến	+	Chi phí chế biến
---	---	--	---	---------------------

- Đối với nguyên vật liệu thuê ngoài gia công chế biến:

Trị giá thực tế của NVL gia công nhập kho trong kỳ	=	Trị giá vật liệu xuất gia công chế biến	+	Chi phí giao nhận	+	Tiền gia công
--	---	---	---	----------------------	---	------------------

- Đối với nguyên vật liệu nhận đóng góp từ các đơn vị, tổ chức các cá nhân tham gia liên doanh: Giá thực tế là giá thỏa thuận do các bên xác định cộng chi phí tiếp nhận (nếu có).

Khóa luận tốt nghiệp

- Đối với vật liệu được tặng, thưởng: tính theo giá thị trường tương đương cộng chi phí tiếp nhận (nếu có).

1.1.3.2. Xác định giá trị nguyên vật liệu xuất kho.

* Xác định giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền

Giá thực tế hàng i xuất kho	=	Lượng thực tế hàng i xuất kho	X	Giá đơn vị bình quân của hàng i
-----------------------------	---	-------------------------------	---	---------------------------------

Giá đơn vị bình quân có thể tính theo các cách sau:

- Giá đơn vị bình quân cả kỳ (bình quân gia quyền cả kỳ):

Giá đơn vị bình quân cả kỳ của hàng i	=	Giá thực tế hàng i tồn đầu kỳ	+	Giá thực tế hàng i nhập trong kỳ
		Lượng thực tế hàng i tồn đầu kỳ	+	Lượng thực tế hàng i nhập trong kỳ

- Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân gia quyền liên hoàn)

Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập j	=	Giá thực tế hàng tồn kho sau lần nhập j
		Lượng thực tế hàng tồn kho sau lần nhập j

* Tính theo giá thực tế nhập trước - xuất trước:

Theo phương pháp này, giả định lượng hàng nhập trước sẽ được xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau. Giá thực tế của hàng nhập trước sẽ được dùng làm giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối hoặc gần cuối kỳ.

* Tính theo giá nhập sau xuất trước:

Theo phương pháp này, giá định lượng hàng nhập sau cùng sẽ được xuất trước, xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước. Giá thực tế của hàng nhập sau sẽ được dùng làm giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối hoặc gần đầu kỳ.

* Tính theo giá thực tế đích danh:

Phương pháp này thường được áp dụng đối với loại vật liệu có giá trị cao, các loại vật tư đặc chủng, giá thực tế vật liệu xuất kho được căn cứ vào đơn giá thực tế vật liệu xuất kho cho từng lô, từng lần nhập và số liệu xuất kho theo từng lần.

1.1.4. Vai trò của nguyên vật liệu và yêu cầu quản lý nguyên vật liệu.

Từ những đặc điểm trên cho thấy nguyên vật liệu có vai trò hết sức quan trọng với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó, phải tăng cường công tác quản lý nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất ở tất cả các khâu: mua, dự trữ, bảo quản và sử dụng nguyên vật liệu.

- Trong khâu thu mua nguyên vật liệu: phía quản lý về khối lượng, quy cách, chủng loại, giá mua, thuế VAT được khấu trừ và chi phí thu mua. Đồng thời phải quản lý việc thực hiện kế hoạch mua theo đúng tiến độ, thời gian phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Trong quá trình bảo quản nguyên vật liệu: phải tổ chức tốt kho hàngm bền bãi, xây dựng và thực hiện tốt chế độ bảo quản đối với từng thứ nguyên vật liệu, tránh hư hỏng, mất mát, hao hụt nhằm đảm bảo an toàn cho nguyên vật liệu cả về số lượng, chất lượng, giá trị.

- Trong khâu sử dụng nguyên vật liệu: cần phải tốt chức tốt việc ghi chép, phản ánh tình hình sản xuất dùng và sử dụng nguyên vật liệu. Trên cơ sở đó so sánh

với định mức, dự toán chi phí, định mức hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu. Từ đó tìm ra biện pháp sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguyên vật liệu, hạ thấp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, tăng thu nhập và tích lũy cho doanh nghiệp.

- Trong khâu dự trữ đòi hỏi doanh nghiệp phải xác định được mức dự trữ tối đa, tối thiểu nhằm đảm bảo cho quá trình sản xuất được tiến hành bình thường không bị ngưng trệ do thiếu nguyên vật liệu hoặc gây tình trạng ứ đọng vốn do dự trữ quá nhiều.

1.1.5. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu.

Nếu như công tác hạch toán nói chung là công cụ của công tác quản lý kinh tế tài chính thì hạch toán kế toán nguyên vật liệu là công cụ đặc lực của công tác quản lý vật liệu, kế toán nguyên vật liệu có đầy đủ, chính xác, kịp thời hay không, có ảnh hưởng lớn đến tình hình quản lý vật liệu của doanh nghiệp.

Để thực hiện chức năng của mình trong phạm vi quản lý vật liệu, theo điều lệ tổ chức công tác kế toán Nhà nước, kế toán vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp sản xuất có các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức ghi chép, phản ánh tổng hợp số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển bảo quản tình hình nhập, xuất và tồn kho vật liệu, tính giá thực tế của vật liệu đã mua và nhập kho xí nghiệp, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch thu mua nguyên vật liệu về số lượng, chủng loại, giá cả, thời hạn ... nhằm bảo đảm cung cấp đầy đủ, kịp thời đúng chủng loại vật liệu cho quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp phục vụ cho việc thu nhận hệ thống hóa, tổng hợp và cung cấp thông tin về tình hình hiện có và sự biến động của biến động.

- Kiểm tra, giám sát việc bằng đồng tiền kế hoạch thu mua, sử dụng vật tư

cho sản xuất, kinh doanh. Qua đó phát hiện và ngăn chặn các hành vi tham ô, lãng phí vật tư và hành vi vi phạm chế độ kế toán tài chính.

1.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu.

Việc hạch toán chi tiết vật liệu đòi hỏi phải phản ánh cả giá trị, số lượng và chất lượng của từng thứ (từng danh điểm) vật liệu theo từng kho và từng người phụ trách.

1.2.1. Chứng từ sử dụng

Để đáp ứng yêu cầu quản trị doanh nghiệp, kế toán chi tiết nguyên vật liệu phải được thực hiện theo từng kho, từng loại, nhóm, thứ nguyên vật liệu và phải được tiến hành đồng thời ở kho và phòng kế toán trên cùng cơ sở chứng từ. Các chứng từ kế toán về nguyên vật liệu bao gồm:

- Hóa đơn bán hàng (Mẫu 01 - BH)
- Phiếu nhập kho (Mẫu 01 - VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu 02 - VT)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03 - VT)
- Biên bản kiểm kê vật tư, sản phẩm hàng hoá (Mẫu 08- VT)
- Hoá đơn kiêm phiếu xuất kho (Mẫu 02 - BH)
- Hoá đơn cước vận chuyển (Mẫu 03 - BH)

Ngoài các chứng từ mang tính bắt buộc sử dụng thống nhất theo quy định của Nhà nước, các doanh nghiệp có thể sử dụng thêm các chứng từ kế toán hướng dẫn như : Phiếu xuất vật tư theo hạn mức (Mẫu 04- VT), Biên bản kiểm nghiệm vật tư (Mẫu 05 - VT), phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (Mẫu 07 - VT)... và các chứng từ khác phụ thuộc vào đặc điểm tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp.

1.2.2. Các phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu.

Việc hạch toán nguyên vật liệu phải được tiến hành đồng thời ở cả kho và phòng kế toán trên cơ sở các chứng từ nhập, xuất. Hạch toán chi tiết vật liệu đòi hỏi phải phản ánh cả về giá trị, số lượng, chất lượng... của từng thứ (từng danh điểm) vật liệu.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý, các doanh nghiệp thường xây dựng sổ đăng ký danh điểm hàng tồn kho nhằm phân loại và mã số hóa vật liệu theo từng thứ, từng nhóm.

Các doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong ba phương pháp hạch toán kế toán chi tiết nguyên vật liệu sau :

1.2.2.1. Phương pháp thẻ song song.

* Nội dung của phương pháp:

- Ở kho: thủ kho là người chịu trách nhiệm quản lý và thực hiện các nghiệp vụ nhập, xuất nguyên vật liệu về mặt lượng. Hàng ngày hoặc định kỳ, sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải chuyển các chứng từ nhập, xuất đã được phân loại theo từng thứ nguyên vật liệu về phòng kế toán.

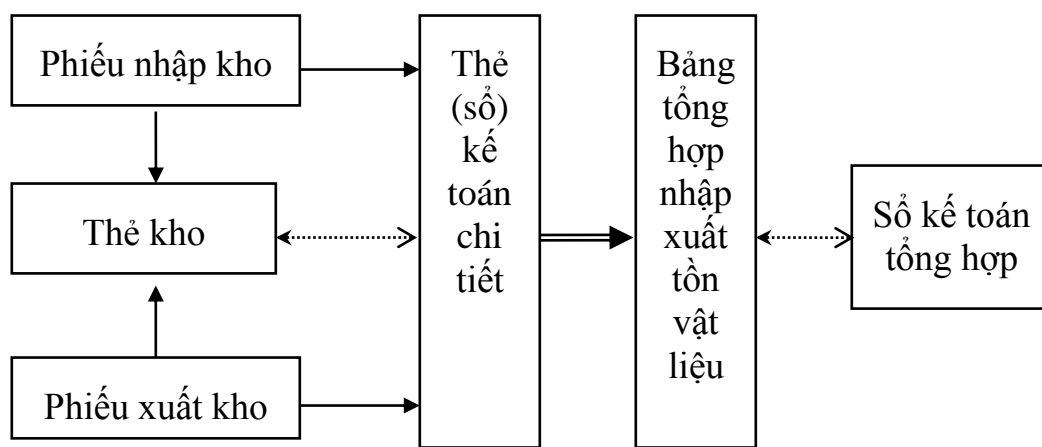
- Ở phòng kế toán: kế toán mở thẻ hoặc sổ chi tiết vật liệu theo dõi cả chỉ tiêu về mặt số lượng và giá trị theo từng danh điểm vật liệu tương ứng với thẻ kho mở ở kho.

Cụ thể là: Hàng ngày hoặc định kỳ khi nhận được các chứng từ nhập, xuất vật liệu do thủ kho bàn giao, kế toán kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của chứng từ, hoàn chỉnh chứng từ, phân loại chứng từ sau đó ghi vào thẻ chi tiết vật liệu hoặc sổ chi

tiết vật liệu theo hai chỉ tiêu số lượng và giá trị cho từng thứ vật liệu công cụ dụng cụ .

Cuối tháng kế toán chi tiết vật liệu phải tổng hợp tình hình nhập, xuất tồn vật liệu theo từng nhóm, từng loại vật liệu đối chiếu với thẻ kho.

* Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song.



Ghi chú:

- > : Ghi hàng ngày
- =====> : Ghi cuối tháng
- <-.-.-.-> : Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.2.1. Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song.

* Ưu điểm: việc hạch toán đơn giản, dễ kiểm tra, đối chiếu.

* Nhược điểm: hạch toán giữa kế toán và thủ kho còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng, việc kiểm tra đối chiếu vào cuối tháng nên hạn chế chức năng kiểm tra của kế toán .

* Điều kiện áp dụng: phương pháp này vận dụng cho các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, chủng loại vật liệu ít.

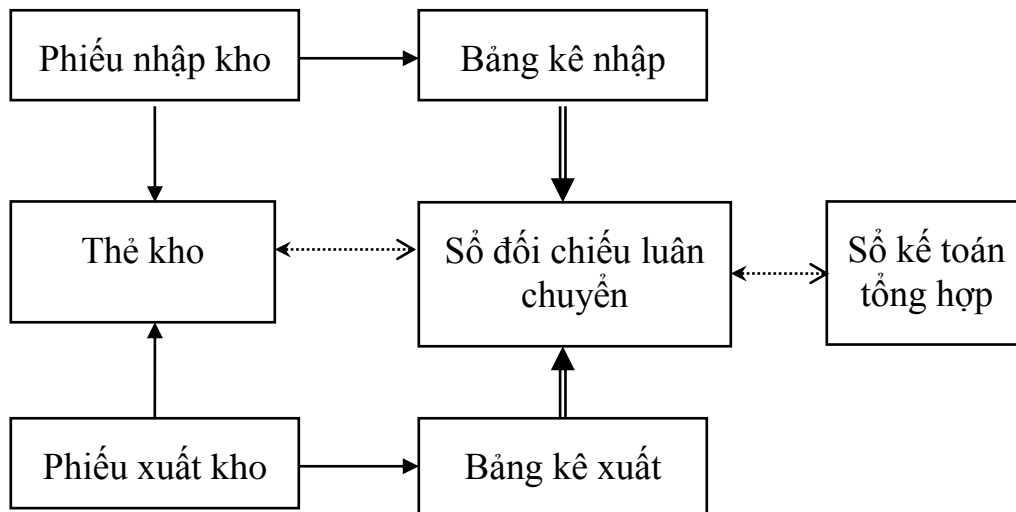
1.2.2.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.

* Nội dung của phương pháp này như sau:

- Ở kho: thủ kho dùng thẻ kho để phản ánh tình hình nhập xuất tồn vật liệu về mặt lượng. Mỗi chứng từ ghi vào một dòng trên thẻ kho, thẻ kho được mở cho từng danh điểm vật liệu. Cuối tháng thủ kho tiến hành tổng cộng số nhập xuất, tính ra số tồn kho về mặt lượng theo từng danh điểm vật liệu

- Ở phòng kế toán: kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển dùng cho cả năm để hạch toán tổng hợp tình hình nhập – xuất – tồn cho từng thứ vật liệu theo hai chỉ tiêu về số lượng và giá trị. Sổ này ghi mỗi tháng một lần vào cuối tháng trên cơ sở tổng hợp các chứng từ nhập, xuất phát sinh trong tháng của từng thứ vật liệu, mỗi thứ ghi vào một dòng trên sổ. Cuối tháng, tiến hành kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho về mặt số lượng.

* Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển:



Sơ đồ 1.2.2. Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.

* Ưu điểm: Giảm bớt được khối lượng ghi chép của kế toán so với phương pháp trên.

* Nhược điểm: Kế toán vẫn hạch toán trùng lặp, chỉ tiêu số lượng việc kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa thủ kho với kế toán chỉ thực hiện vào cuối tháng nên ảnh hưởng đến chức năng kiểm tra của kế toán

* Điều kiện áp dụng: phương pháp này vận dụng với các doanh nghiệp không có điều kiện bố trí kế toán chi tiết vật liệu riêng và khối lượng các nghiệp vụ nhập xuất không lớn.

1.2.2.2. Phương pháp sổ số dư.

* Nội dung của phương pháp này như sau:

- Ở kho: ngoài các công việc như phương pháp thẻ song song, thủ kho còn phải làm các công việc sau:

+ Định kỳ, sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải lập phiếu giao nhận chứng từ theo từng danh điểm vật tư hoặc từng nhóm vật tư và nộp cho kế toán kèm theo các chứng từ nhập – xuất vật tư.

+ Cuối tháng, căn cứ vào thẻ kho, thủ kho ghi số lượng vật tư tồn kho theo từng danh điểm vật tư vào sổ số dư. Mỗi danh điểm vật tư được ghi vào một dòng trên sổ số dư. Sổ số dư được kế toán mở cho từng kho và dùng cả năm, (sổ này chỉ theo dõi về mặt lượng và tiền tồn mà không theo dõi lượng và tiền nhập, xuất của vật tư), trước ngày cuối tháng kế toán giao cho thủ kho để ghi sổ. Ghi xong phải gửi về phòng kế toán để kiểm tra và tính ra thành tiền.

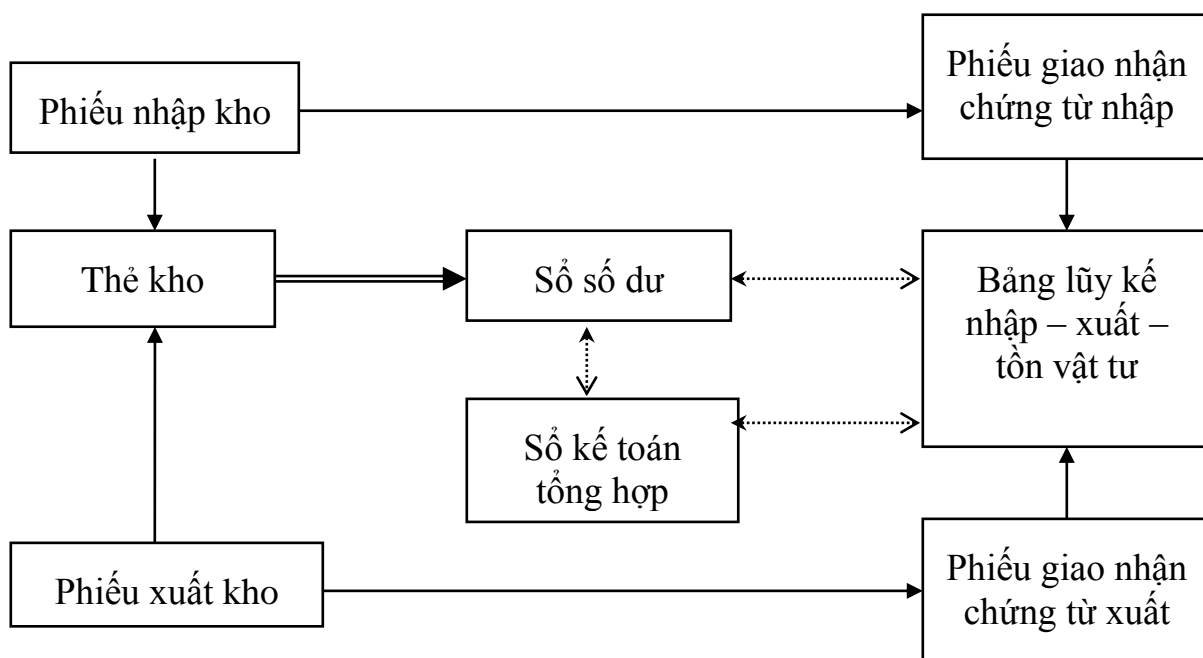
- Ở phòng kế toán:

+ Định kỳ, nhân viên kế toán phải xuống để kiểm tra việc ghi chép vào thẻ kho của thủ kho và ký xác nhận số lượng tồn tại từng thời điểm trên thẻ kho.

+ Định kỳ, sau khi nhận các chứng từ nhập – xuất vật tư do thủ kho chuyển đến (đã được phân loại theo từng danh điểm vật tư), kế toán tiến hành ghi đơn giá (thường là đơn giá hạch toán) tính ra thành tiền trên từng chứng từ và ghi vào phiếu giao nhận chứng từ tương ứng, đồng thời cộng tổng số tiền trên các phiếu giao nhận chứng từ để ghi vào một dòng trên bảng lũy kế nhập – xuất – tồn vật tư. Sau đó

cộng tổng số tiền nhập – xuất trên bảng lũy kế để tính ra dư cuối tháng của từng danh điểm vật tư. Số dư này được dùng để đối chiếu với số dư trên sổ số dư.

* Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư:



Ghi chú:

- > : Ghi hàng ngày
- =====> : Ghi cuối tháng
- ←-----> : Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.2.3. Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư.

* Ưu điểm: giảm bớt được khối lượng ghi chép của sổ kế toán, quá trình hạch toán được dàn trải trong tháng và công việc được tiến hành đều trong tháng.

* Nhược điểm: do kế toán chỉ theo dõi chỉ tiêu giá trị, nên muốn biết tình hình cụ thể của 1 thứ vật liệu nào đó thì không thể xem trên sổ kế toán được. Khi đối chiếu số liệu nếu có chênh lệch thì việc kiểm tra, phát hiện sai sót rất khó khăn, tốn nhiều thời gian.

* Điều kiện áp dụng: phương pháp này vận dụng cho những doanh nghiệp có chủng loại vật liệu, tình hình biến động xuất, nhập thường xuyên, doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống danh điểm vật liệu với hệ thống giá hạch toán đến từng thứ vật liệu. Cán bộ kế toán và thủ kho đòi hỏi phải có trình độ cao, có tinh thần trách nhiệm.

1.3. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.

Theo chế độ kế toán hiện hành, kế toán nguyên vật liệu được tiến hành theo một trong hai phương pháp sau:

- Phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp kiểm kê định kỳ.

Căn cứ vào đặc điểm sản xuất kinh doanh và quy định của chế độ kế toán mà các doanh nghiệp lựa chọn cho mình phương pháp kế toán nguyên vật liệu phù hợp.

1.3.1. Kế toán tổng hợp tăng giảm nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp ghi chép phản ánh thường xuyên, liên tục tình hình nhập - xuất - tồn kho nói chung và vật liệu nói riêng trên các tài khoản phản ánh từng loại.

1.3.1.1. Tài khoản sử dụng

Để hạch toán nguyên vật liệu, kế toán sử dụng các tài khoản sau:

Khóa luận tốt nghiệp

- TK 152 – nguyên liệu, vật liệu: Dùng để phản ánh tình hình hiện có và biến động theo giá thực tế của nguyên vật liệu.

Kết cấu:

Bên Nợ: phản ánh các nghiệp vụ phát sinh làm tăng nguyên vật liệu trong kỳ (mua ngoài, tự sản xuất...)

Bên có: phản ánh các nghiệp vụ phát sinh làm giảm nguyên vật liệu trong kỳ (xuất bán, xuất dùng...)

Số dư bên nợ: giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ hoặc cuối kỳ.

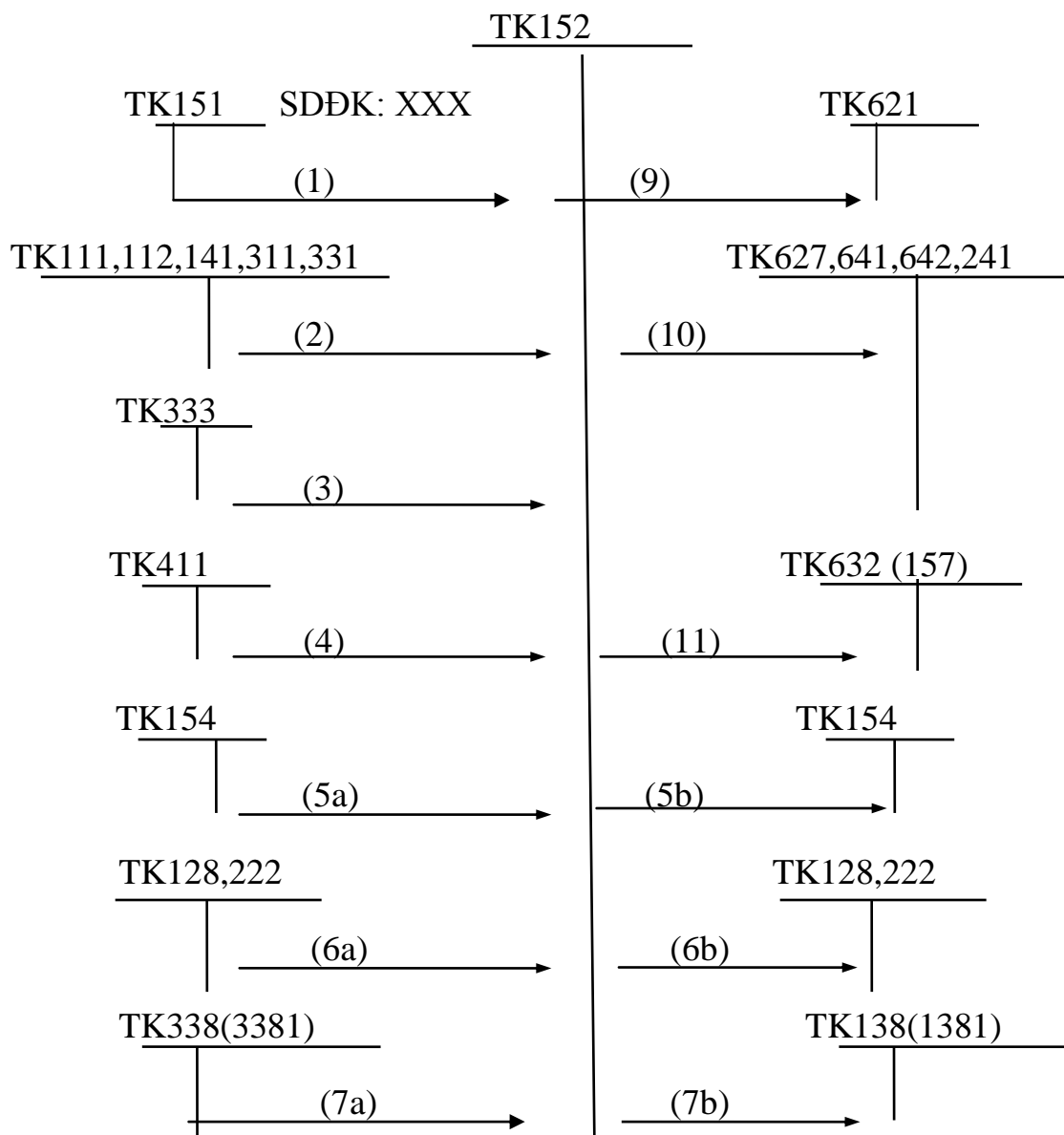
Tùy thuộc vào yêu cầu quản lý của doanh nghiệp mà tài khoản 152 có thể ở thêm các tài khoản cấp 2, 3 để kế toán chi tiết cho từng thứ, nhóm vật liệu.

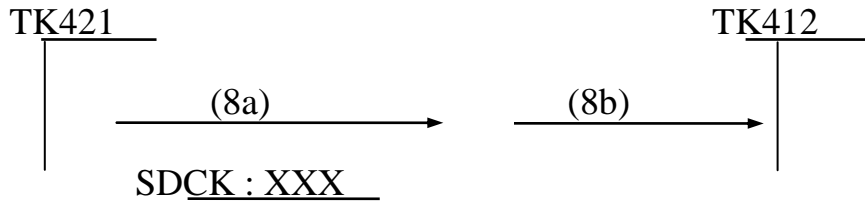
- TK 151 – hàng mua đang đi đường.
- TK 133 – thuế GTGT được khấu trừ.
- TK 331 – phải trả người bán.

Và các TK khác liên quan như TK 111, 112, 141, 341...

1.3.1.2. Trình tự kế toán :

Trong doanh nghiệp, có nhiều trường hợp làm cho vật liệu tăng hoặc giảm. Để kế toán tổng hợp vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên ta thể hiện trên sơ đồ sau:





Sơ đồ 1.3.1. Sơ đồ kế toán tổng hợp nhập - xuất nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chú thích:

- 1- Nhập kho vật liệu đang đi đường kỳ trước.
- 2- Nhập kho do mua ngoài ghi:
- 3- Thuế nhập khẩu vật liệu phải nộp.
- 4- Nhận vốn góp liên doanh (vốn cổ phần, cấp phát ...)
- 5- Nhập xuất vật liệu thuê ngoài gia công chế biến.
 - 5a: Nhập vật liệu thuê ngoài gia công chế biến.
 - 5b: Xuất vật liệu thuê ngoài gia công chế biến.
- 6a: Nhập kho do nhận lại vốn góp liên doanh:
- 6b: Xuất kho mang đi góp vốn liên doanh
- (7a, 7b): Phát hiện thừa thiếu khi kiểm kê vật liệu
 - 7a: Nếu phát hiện thừa.
 - 7b: Nếu phát hiện thiếu.
- (8a, 8b): Đánh giá lại vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho :
 - 8a: Chênh lệch tăng

8b: Chênh lệch giảm

9- Xuất kho vật liệu trực tiếp cho sản xuất, chế tạo sản phẩm .

10 - Xuất kho vật liệu phục vụ.

11 - Xuất kho vật liệu để bán

1.3.2. Kế toán tổng hợp tăng giảm nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp kiểm kê định kỳ hàng tồn kho là phương pháp không theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình nhập xuất hàng tồn kho trên các tài khoản tồn kho mà chỉ theo dõi phản ánh giá trị hàng tồn kho.

1.3.2.1. Tài khoản kế toán sử dụng:

- TK 611 - Mua hàng: dùng để theo dõi tình hình thu mua, tăng, nguyên vật liệu theo giá thực tế của vật tư xuất dùng trong kỳ.

Giá trị vật liệu xuất dùng trong kỳ	=	Giá trị vật liệu tồn kho đầu kỳ	+	Giá trị vật liệu tăng thêm trong kỳ	-	Giá trị vật liệu tồn kho cuối kỳ
---	---	------------------------------------	---	---	---	--

Kết cấu:

Bên nợ: - Giá trị nguyên vật liệu còn lại chưa dùng đầu kỳ.

- Giá trị nguyên vật liệu tăng thêm trong kỳ.

Bên có: - Giá trị nguyên vật liệu giảm đi trong kỳ.

Khóa luận tốt nghiệp

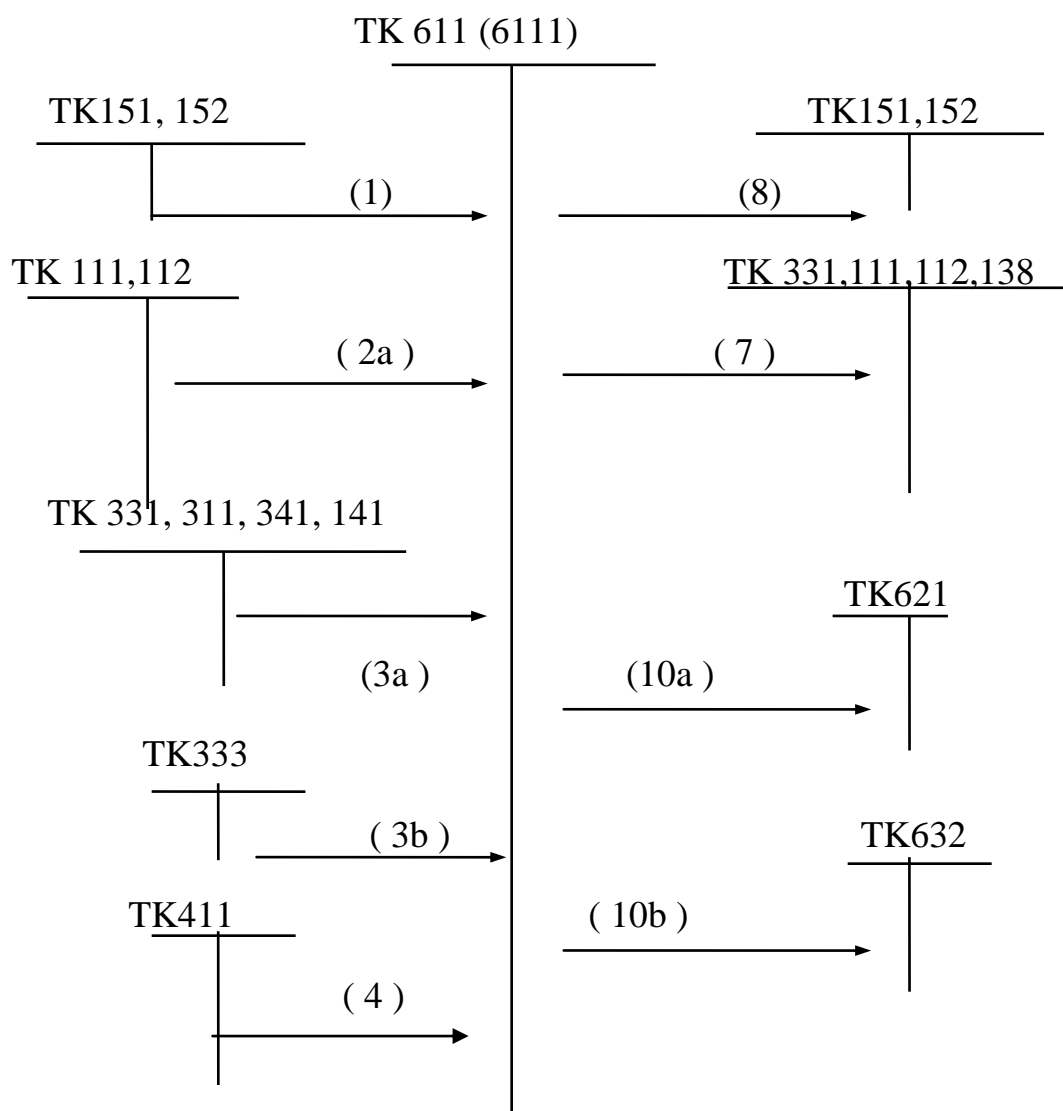
- Giá trị nguyên vật liệu còn lại chưa sử dụng cuối kỳ.

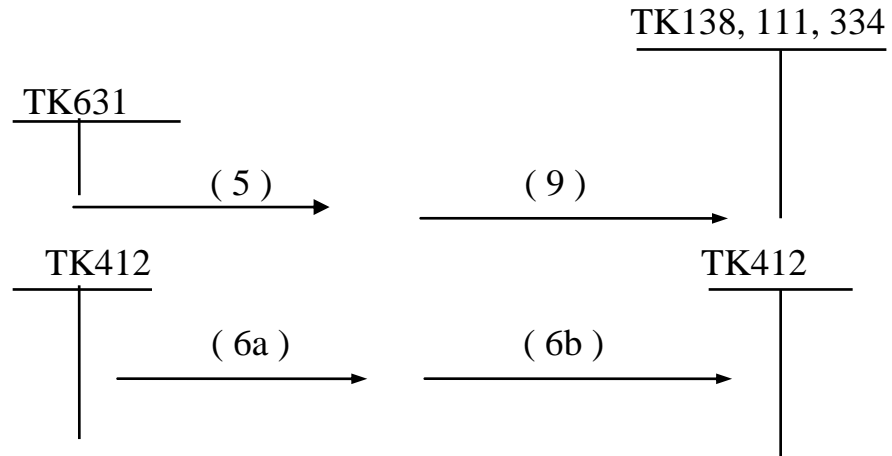
TK 611: không có số dư và mở được mở chi tiết cho từng loại vật tư, hàng hóa.

- TK 152 – nguyên liệu, vật liệu: giá trị thực tế tồn kho của nguyên vật liệu.
- TK 151 – hàng mua đang đi đường: dùng để phản ánh giá trị số hàng mua nhưng đang đi đường hay gửi tại kho người bán.

Ngoài các tài khoản trên kế toán còn sử dụng các tài khoản có liên quan khác như: 133, 331 111, 112...

1.3.2.2. Trình tự kế toán:





Sơ đồ 1.3.2. Sơ đồ kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ .

Chú thích:

- 1 - Kết chuyển số dư đầu tháng của các tài khoản hàng tồn kho.
- 2a - Mua vật liệu nhập kho.
- 3a - Chi phí thu mua vật liệu đã trả hoặc phải trả.
- 3b - Thuế nhập khẩu vật liệu phải nộp.
- 4 - Nhập kho vật liệu do nhận vốn góp liên doanh, nhận vốn cổ phần, nhận vốn cấp phát, nhận quà biếu tặng.
- 5 - Nhập kho vật liệu do tự sản xuất.
- 6a, 6b - Đánh giá lại vật liệu tồn kho.
 - 6a - Chênh lệch tăng
 - 6b - Chênh lệch giảm
- 7 - Các khoản chiết khấu mua hàng, giảm giá hàng hoá được hưởng, hàng hoá trả lại cho người bán.
- 8 - Phản ánh số dư cuối kỳ của các tài khoản hàng tồn kho.

9 - Nếu xác định được giá trị thực tế của vật liệu bị mất, thiếu.

10a - Giá thực tế của vật liệu được xuất dùng cho sản xuất kinh doanh.

10b - Giá thực tế của vật liệu được xuất bán.

1.4. Tổ chức sổ sách kế toán trong kế toán nguyên vật liệu.

Tổ chức kế toán là sự biểu hiện vật chất cụ thể của phương pháp tài khoản và ghi chép trên sổ kế toán, là sự thể hiện nguyên lý của phương pháp ghi trên sổ kép.

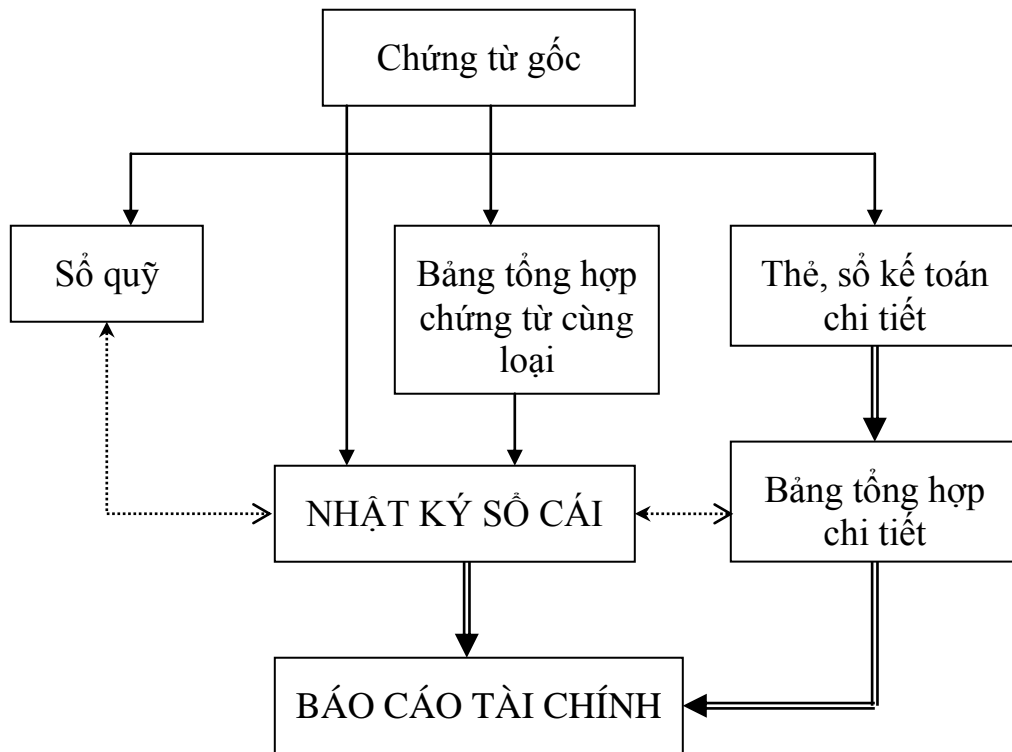
Sổ sách kế toán là khâu trung tâm của toàn bộ phương pháp kế toán. Chính vì vậy, chế độ kế toán mới đã quy định những nguyên tắc cơ bản và những chuẩn mực về sổ kế toán đồng thời cũng hướng dẫn các hình thức kế toán phổ biến để doanh nghiệp áp dụng.

Trên thực tế, các doanh nghiệp có thể lựa chọn vận dụng hình thức kế toán cho phù hợp với đặc điểm quy mô hoạt động của doanh nghiệp dựa trên 5 hình thức sổ kế toán sau:

- Hình thức nhật ký sổ cái.
- Hình thức chứng từ ghi sổ.
- Hình thức nhật ký chứng từ.
- Hình thức nhật ký chung.

- Hình thức kế toán máy.

Sơ đồ kế toán hình thức nhật ký - sổ cái:



Ghi chú:

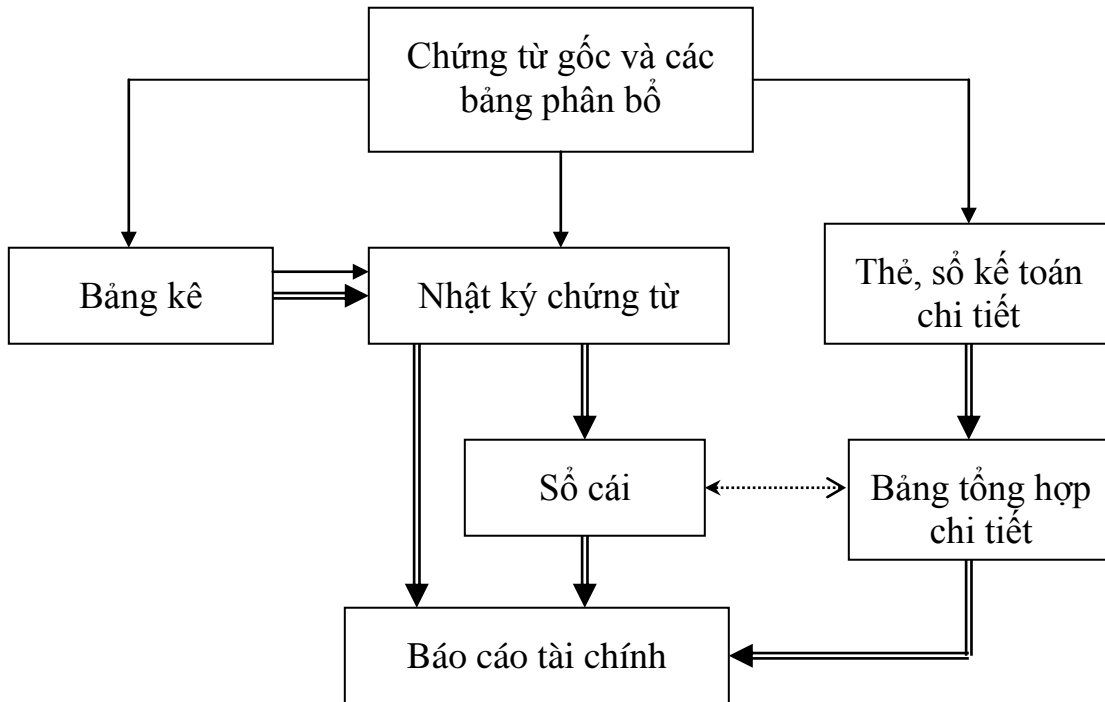
→ : Ghi hàng ngày

==> : Ghi cuối tháng

↔ : Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.4.1. Sơ đồ kế toán hình thức nhật ký sổ cái.

Sơ đồ kế toán hình thức nhật ký - chứng từ:

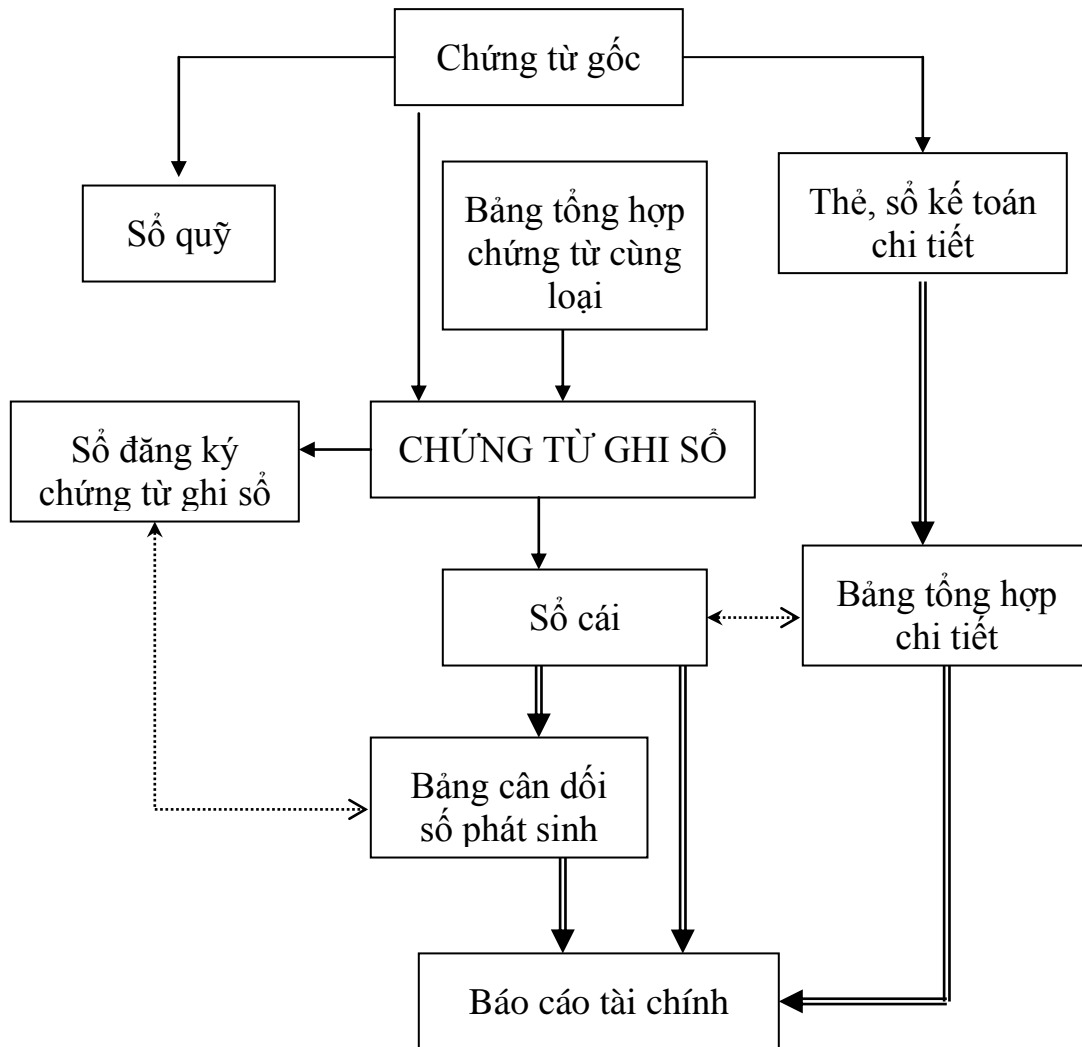


Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- ==> : Ghi cuối tháng
- ←.....→ : Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.4.2. Sơ đồ kế toán hình thức nhật ký chứng từ.

Sơ đồ kế toán hình thức chứng từ ghi sổ:

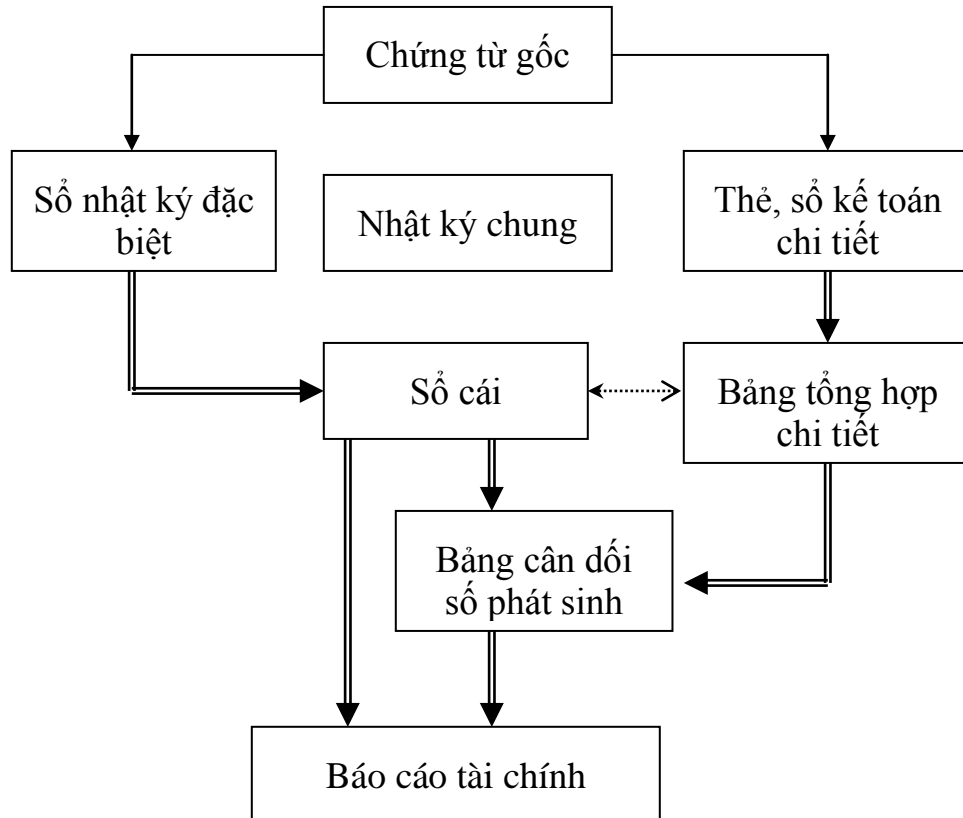


Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- ⇒ : Ghi cuối tháng
- ↔ : Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.4.3. Sơ đồ kế toán hình thức chứng từ ghi sổ

Sơ đồ kế toán hình thức nhật ký chung:

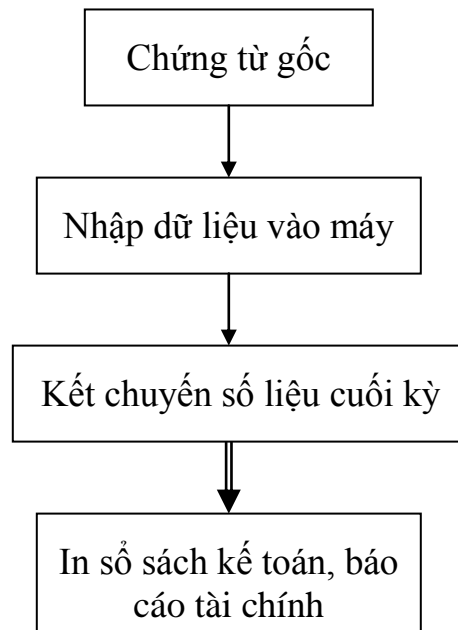


Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- ==> : Ghi cuối tháng
- ↔ : Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.4.4. Sơ đồ kế toán hình thức nhật ký chung.

Sơ đồ kế toán hình thức kế toán máy:



Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- ==> : Ghi cuối tháng
- ←.....→ : Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.4.4. Sơ đồ kế toán hình thức kế toán máy.

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NUÔI TRỒNG VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NAM TRIỆU.

2.1. Tìm hiểu chung về Công ty cổ phần nuôi trồng và chế biến thực phẩm Nam Triệu.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần nuôi trồng và chế biến thực phẩm Nam Triệu.

Công ty cổ phần nuôi trồng và chế biến thực phẩm Nam Triệu là thành viên trực thuộc tổng công ty công nghiệp tàu thủy Nam Triệu (là một doanh nghiệp nhà nước thuộc tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam), được thực hiện theo quyết định số 1298/QĐ – TH ngày 06 tháng 12 năm 2006. Công ty được thành lập trên cơ sở vốn góp đầu tư, trong đó tổng công ty Công nghiệp tàu thủy Nam Triệu đầu tư 51% vốn điều lệ.

Tên đầy đủ: Công ty cổ phần nuôi trồng và chế biến thực phẩm Nam Triệu

Tên giao dịch quốc tế: Nam Trieu agricultural prodcing and food processing
jiont stock company.

Tên viết tắt bằng tiếng Anh: NAPROCO

Mã số thuế: 0200727434

Điện thoại: 0313.915063

Fax: 0313.915062

Địa chỉ: Thôn Trại Viên – Xã Lưu Kiếm – Huyện Thủy Nguyên – Thành phố

Hải Phòng.

Email: naproco@nasico.com.vn

Website: nasico.com.vn

Tổng số lao động: 84 người.

Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

*** Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất, kinh doanh các loại con giống, thức ăn chăn nuôi.
- Sản xuất, kinh doanh các loại cây giống, cây cảnh, các loại hoa.
- Nuôi trồng, chế biến các sản phẩm gia súc, gia cầm, thủy hải sản và các sản phẩm từ nông nghiệp, lâm nghiệp.
- Mua bán vật tư, máy móc thiết bị, liên quan đến ngành nông nghiệp và chế biến thực phẩm.
- Tư vấn xây dựng và triển khai các dự án phát triển nông nghiệp nông thôn.
- Tổ chức du lịch sinh thái.

Ngoài ra, công ty còn cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp về mảng thiết kế khuôn viên cây cảnh cho các công ty, nhà ở, biệt thự, sân golf, khu du lịch sinh thái, trường học, bệnh viện, các công trình mang tính Quốc gia... đem lại cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp và văn minh.

*** Mục tiêu và phương châm của Công ty:**

- Công ty được thành lập với mục tiêu chế biến lương thực, thực phẩm cung cấp cho Tổng công ty, đồng thời chế biến ra thị trường nội địa và hướng tới xuất khẩu.

- Sản xuất và cung cấp cho khách hàng những sản phẩm tốt nhất trong lĩnh vực nuôi trồng và chế biến thực phẩm.

- Đặt chất lượng an toàn vệ sinh lên hàng đầu.

- Cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp về mảng khuôn viên cây cảnh trong các công ty, nhà ở, biệt thự, trường học, bệnh viện...

- Với phương châm lấy uy tín, chất lượng làm mô hình sản xuất của công ty tự chủ từ việc cung cấp nguyên liệu đầu vào cho tới sản phẩm đầu ra.

- Cung cấp cho khách hàng sản phẩm và dịch vụ có chất lượng tốt nhất với giá cả hợp lý.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty CP nuôi trồng và chế biến thực phẩm Nam Triệu.

* Chức năng sản xuất của Công ty:

- Sản xuất con giống, thức ăn, chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản, sản xuất rau sạch, các loại hoa, cây cảnh.

- Chế biến các loại sản phẩm thủy sản, gia súc, gia cầm và sản phẩm trồng trọt. Với mô hình sản xuất khép kín kết hợp giữa trồng trọt, chăn nuôi và du lịch sinh thái, tạo ra một mô hình sản xuất khép kín, bền vững.

* Năng lực sản xuất

- Sản phẩm chăn nuôi

Phương pháp chăn nuôi: truyền thống kết hợp với những tiến bộ của khoa học

Cung cấp cho thị trường hàng trăm nghìn tấn/năm các sản phẩm thịt thủy hải sản, đặc biệt là các sản phẩm chế biến từ thịt lợn: giăm bông, Lạp sườn xúc xích, patê gan, giò chả... Bên cạnh đó còn có các sản phẩm quý hiếm, đảm bảo chất lượng tốt và vệ sinh an toàn sản phẩm như: Đà điểu, hươu, nhím, lợn rừng...

- Sản phẩm rau và hoa quả:

Rau và hoa quả được sản xuất theo phương pháp nông nghiệp hữu cơ kết hợp với các công nghệ tiên tiến đã tạo ra sản phẩm có chất lượng cao, cung cấp cho thị

trường mỗi năm từ 50.000 tấn – 100.000 tấn rau sạch các loại (cải chíp, cải ngọt, bắp cải, súp lơ...), hoa quả các loại (nhãn, vải, cam...)

Bằng công nghệ hoa lan trong nhà kính, nhà lưới, cung cấp nhiều loại hoa Lan (Địa Lan, lan Hồ Điệp, lan Cattlega, lan Denzo, lan Vũ Nữ...).

2.1.3. Những thuận lợi và khó khăn của Công ty CP nuôi trồng và chế biến TP Nam Triệu.

2.1.3.1. Thuận lợi:

- Đội ngũ lao động có trình độ, giàu kinh nghiệm, chuyên nghiệp, có khả năng sáng tạo và nhiệt huyết cao.

- Dây chuyền công nghệ đồng bộ và hiện đại phù hợp với chất lượng của sản phẩm trên thị trường.

- Hệ thống nhà điều hành, các phòng ban và các trang trại chăn nuôi được trang bị đầy đủ tiện nghi.

- Khách hàng đã chấp nhận và tiêu thụ sản phẩm của công ty trên thị trường.

2.1.3.2. Khó khăn:

- Do công ty mới thành lập cho đến nay được 4 năm nên còn nhiều dự án chưa được thực hiện, trang thiết bị còn đang trong giai đoạn đầu tư.

- Nguồn vốn hoạt động của doanh nghiệp còn hạn chế.

- Nhiều đối thủ cạnh tranh trên cùng thị trường.

2.1.4 Những thành tích cơ bản mà doanh nghiệp đã đạt được.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp Đảng ủy, của tập thể ban lãnh đạo công ty, cùng sự năng động, sáng tạo, nhiệt huyết của đội ngũ cán bộ công nhân lao

Khóa luận tốt nghiệp

động tình hình của công ty luôn được nâng cao thể hiện rõ rệt thông qua các chỉ tiêu cơ bản trong bảng sau:

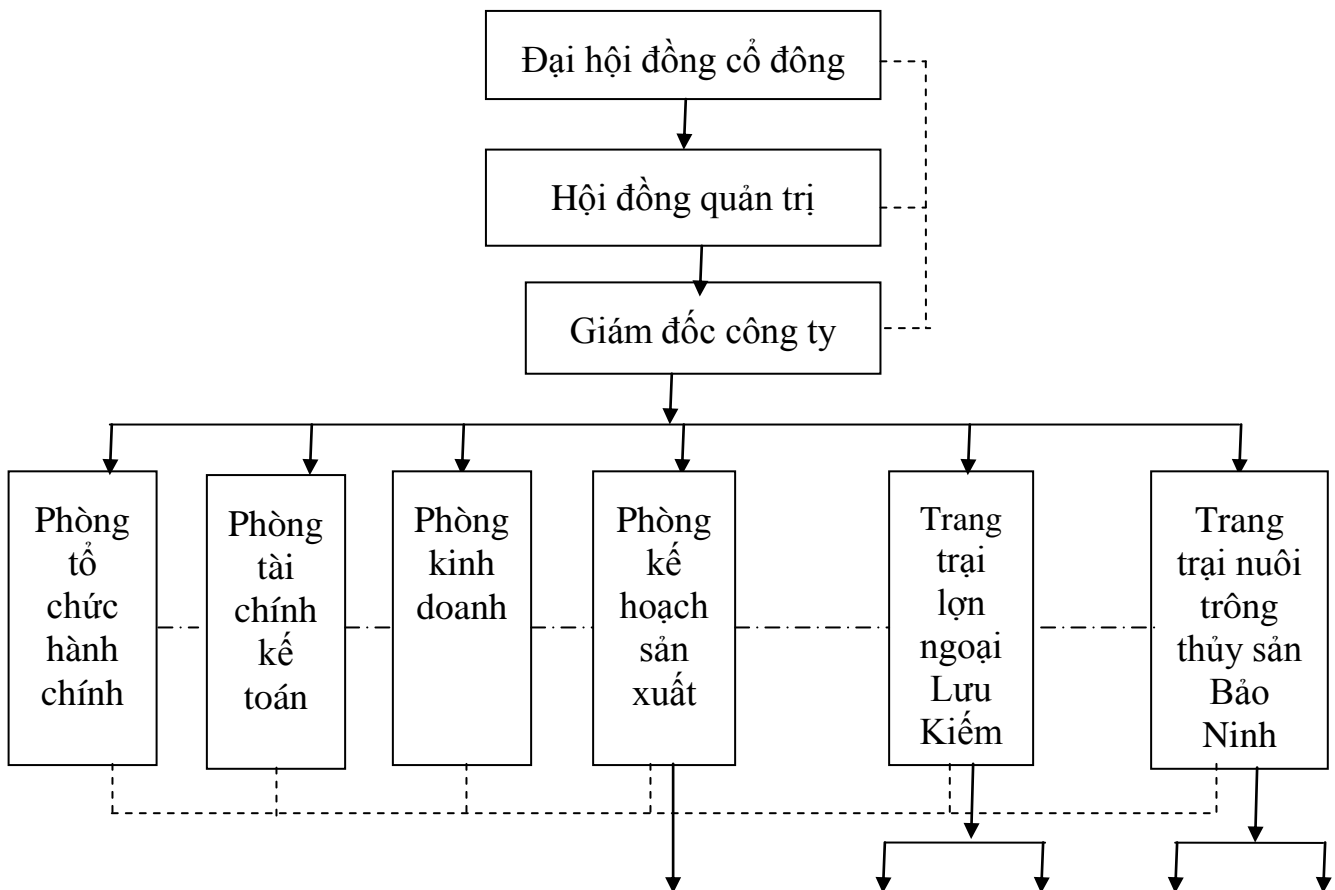
Năm 2008 được ghi nhận là năm nền kinh tế phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, tăng trưởng kinh tế giảm dần, chi phí sản xuất kinh doanh tăng cao do giá nguyên vật liệu đầu vào và lãi suất huy động tăng vọt, thị trường tiền tệ diễn biến phức tạp chứa đựng nhiều yếu tố không ổn định. Những khó khăn thách thức trên đã tác động mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2008 so với năm 2007: doanh thu tăng 25% nhưng do chi phí cũng tăng theo nên lợi nhuận trước thuế giảm 70% so với năm 2007.

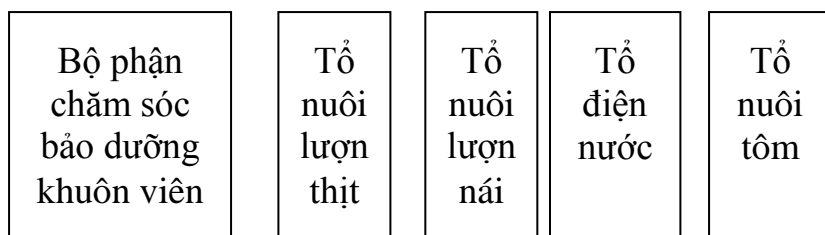
Năm 2009, nền kinh tế còn tiếp tục chịu ảnh hưởng của cơn bão khủng hoảng tài chính. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, sự nỗ lực cố gắng hết mình của Ban điều hành và toàn thể người lao động, Công ty đã từng bước vượt qua được khó khăn. Kết quả sản xuất kinh doanh tính đến thời điểm kết thúc năm 2009 so với 2008: doanh thu tăng 20%, lợi nhuận trước thuế tăng 100% so với năm 2007.

CHỈ TIÊU	ĐVT	2007	2008	2009
Doanh thu bán hàng	Triệu đồng	11.987	15.155	18.057
Chi phí kinh doanh				
- Giá vốn hàng bán		7.485	10.169	13.794
- Chi phí bán hàng	Triệu đồng	68	338	55
- Chi phí QLDN		1.020	3.515	1.921
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	8	3	6
Thu nhập bình quân	Đồng	1.500.000	1.800.000	2.000.000

2.1.5. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty CP nuôi trồng và chế biến thực phẩm Nam Triệu.

Căn cứ vào tình hình thực tế sản xuất kinh doanh, công ty tổ chức bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến - chức năng theo sơ đồ 2.1.5.1.





———— : Quan hệ trực tuyến

----- : Quan hệ chức năng

----- : Quan hệ kiến sai

Sơ đồ 2.1.5.1. Cơ cấu tổ chức công ty CP nuôi trồng và CB TP NT.

- Đại hội đồng cổ đông: có nhiệm vụ thảo luận và thông qua Điều lệ, bầu hội đồng quản trị và ban kiểm soát, thông qua phương án sản xuất kinh doanh, quyết định tổ chức bộ máy công ty.

- Hội đồng quản trị: là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty chịu trách nhiệm trước đại hội đồng cổ đông; nhân danh công ty quyết định các mục đích, quyền lợi của công ty phù hợp với pháp luật, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của đại hội đồng cổ đông.

- Giám đốc công ty: là người quản lý, điều hành mọi hoạt động của công ty, chịu trách nhiệm về mọi hoạt động điều hành của công ty.

- Phòng tổ chức hành chính: tham mưu cho giám đốc xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh; xây dựng kế hoạch tuyển dụng đào tạo nhân lực; xây dựng kế hoạch quản lý lao động.

- Phòng tài chính – kế toán: tham mưu cho giám đốc chiến lược huy động vốn, cơ cấu vốn; quản lý việc xuất – nhập vật tư, hàng hóa; hạch toán giá thành, thu chi, báo cáo tài chính, quản lý chứng từ gốc.

- Phòng kinh doanh: tham mưu cho giám đốc; quản lý lĩnh vực, kế hoạch kinh doanh, xây dựng phương án kinh doanh, soạn thảo hợp đồng kinh tế.

- Phòng kế hoạch sản xuất: tham mưu cho giám đốc; nghiên cứu thị trường, xử lý thông tin; thực hiện kế hoạch sản xuất, điều phối lao động.

- Trang trại lợn ngoại Lưu Kiếm: chăn nuôi, gây giống các loại lợn ngoại, lợn i...; bố trí nhân lực; quản lý trang thiết bị, tài sản công ty cấp phát; xây dựng kế hoạch sản xuất theo tình hình thực tế.

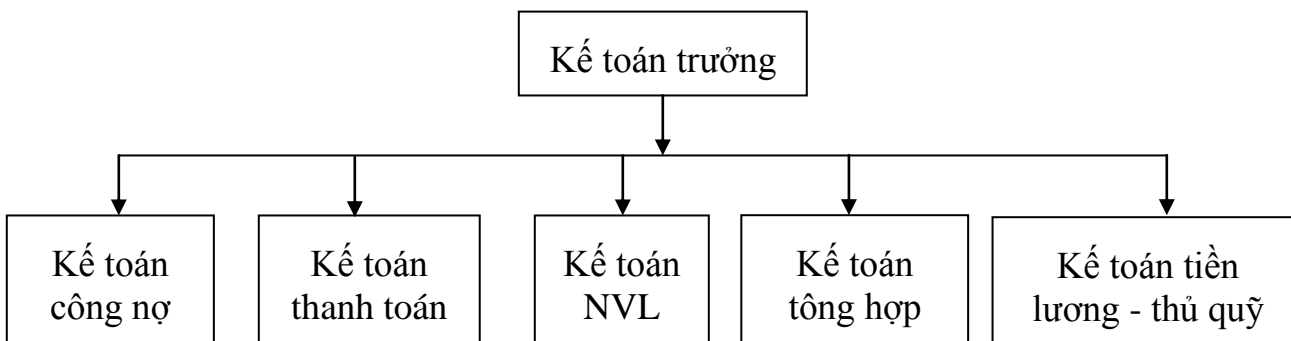
- Trang trại nuôi trồng thủy sản Bảo Ninh: chăn nuôi, gây giống các loại tôm; quản lý trang thiết bị, tài sản công ty cấp phát; bố trí nhân lực; xây dựng kế hoạch sản xuất theo tình hình thực tế.

- Tổ trồng trọt, và chăn nuôi phụ trách công tác trồng trọt, chăn nuôi: nhân giống, dọn dẹp, dịch tễ...

2.1.6. Tổ chức công tác kế toán tại công ty cổ phần nuôi trồng và chế biến thực phẩm Nam Triệu.

2.1.6.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty.

Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung, bao gồm 06 người, mỗi người có một chức năng nhiệm vụ khác nhau, theo sơ đồ như sau:



Sơ đồ 2.1.6.1. Bộ máy kế toán của công ty CP nuôi trồng và chế biến TP NT.

- Kế toán trưởng: theo dõi chung và lập kế hoạch tài chính, các báo cáo sản xuất, báo cáo chi phí, nhận xét đánh giá tình hình của doanh nghiệp.

Khóa luận tốt nghiệp

- Kế toán thanh toán: theo dõi việc thu chi tiền mặt, kiểm soát các chứng từ vào quỹ hợp lệ, ghi sổ quỹ tiền mặt.
- Kế toán công nợ: theo dõi tình hình bán hàng, tiêu thụ sản phẩm, đối chiếu xác nhận các khoản nợ của công ty với các doanh nghiệp khách hàng.
- Kế toán NVL: theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn NVL, hàng hóa, thành phẩm của công ty.
- Kế toán tổng hợp: theo dõi tình hình biến động về TSCĐ, tính và phân bổ khấu hao TSCĐ. Định kỳ kiểm tra và tổng hợp số liệu lập báo cáo kế toán và tính giá thành sản phẩm.
- Kế toán tiền lương – Thủ quỹ: tính toán tiền lương phải trả cho người lao động, tính và theo dõi trích thu BHXH, BHYT, BHTN theo quy định, lên bảng phân bổ tiền lương; bảo quản quỹ tiền mặt của công ty, thực hiện thu chi theo đúng nguyên tắc, lập báo cáo quỹ tiền mặt theo định kỳ.

2.1.7. Chính sách, phương pháp kế toán Công ty áp dụng.

Công ty đã tổ chức, vận dụng hệ thống chứng từ ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng bộ tài chính.

* Hệ thống tài khoản sử dụng:

Hệ thống tài khoản sử dụng của Công ty được xây dựng trên cơ sở những quy định về hệ thống tài khoản chung cho các doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành.

* Hình thức ghi sổ kế toán;

Xuất phát từ đặc điểm, quy mô của Công ty, nghiệp vụ kinh tế phát sinh, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của các kế toán Công ty đã lựa chọn hình thức ghi sổ kế toán là: Nhật ký – chứng từ.

* Phương pháp kế toán chi tiết hàng tồn kho: kế toán Công ty sử dụng phương pháp thẻ song song.

* Phương pháp kế toán tổng hợp hàng tồn kho: kế toán Công ty sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

2.2. Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần nuôi trồng và chế biến thực phẩm Nam Triệu.

2.2.1. Đặc điểm, phân loại, đánh giá nguyên vật liệu tại công ty cổ phần nuôi trồng và chế biến thực phẩm Nam Triệu.

2.2.1.1. Đặc điểm nguyên vật liệu tại Công ty.

- Do sản phẩm của Công ty rất đa dạng, phục vụ cho ngành trồng trọt, chăn nuôi nên nguồn nguyên liệu mà công ty cần cho sản xuất cũng rất đa dạng về chủng loại có nhiều mặt hàng khác nhau.

- Vật liệu của công ty là những mặt hàng nhập từ ngành nông nghiệp.
- Chi phí nguyên vật liệu chiếm tới 70 - 80% trong giá thành sản phẩm.
- Công ty thường chỉ dự trữ vật liệu ở mức tối thiểu không cần thiết, tránh vật liệu tồn kho nhiều gây ứ đọng vốn lại tăng thêm chi phí bảo quản.

2.2.1.2. Phân loại nguyên vật liệu tại Công ty.

Nguyên vật liệu tại công ty CP nuôi trồng và chế biến TP Nam Triệu:

Khóa luận tốt nghiệp

- Nguyên vật liệu chính: lợn nái, lợn ỉ, tôm thẻ chân trắng và các loại rau, hoa quả khác...

- Nguyên vật liệu phụ: dây điện, gạch chịu nhiệt, vôi sống...

Hiện nay, để thực hiện việc bảo quản nguyên vật liệu, Công ty đã tổ chức thành các kho riêng để quản lý dựa theo cách phân loại nhằm theo dõi chặt chẽ sự biến động của các vật liệu cũng như việc quản lý các vật liệu đó. Song, với chủng loại và số lượng vật liệu lớn, đa dạng và phong phú, so đó Công ty chưa quản lý chặt chẽ được vật tư đó theo danh điểm mà chỉ theo tổng số vật liệu. Do đó gây nhiều khó khăn cho việc quản lý và kế toán nguyên vật liệu.

2.2.1.3. Đánh giá nguyên vật liệu.

Nguyên vật liệu phải được đánh giá theo trị giá vốn thực tế:

- Đối với nguyên vật liệu mua ngoài nhập kho:

+ Công thức tính:

Giá thực tế VL mua ngoài nhập kho	=	Giá mua ghi trên hóa đơn	+	Chi phí thu mua (nếu có)
--------------------------------------	---	-----------------------------	---	-----------------------------

- Đối với nguyên vật liệu xuất kho:

Do khối lượng vật liệu của Công ty rất lớn, chủng loại đa dạng, tình hình nhập – xuất diễn ra thường xuyên nên Công ty đã sử dụng phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.

2.2.2. Thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu tại Công ty.

2.2.2.1. Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu.

Khóa luận tốt nghiệp

Khi vật liệu mua về đến Công ty, kế toán cùng với phòng kế hoạch và các đơn vị liên quan tiến hành kiểm nghiệm. Căn cứ vào hóa đơn của bên bán hàng, phòng kế toán kiểm tra số lượng, quy cách, chất lượng. Nếu hóa đơn đảm bảo được tính hợp lý, hợp lệ là vật liệu mua về đã qua kiểm nghiệm đảm bảo được đúng số lượng, chủng loại và chất lượng đạt tiêu chuẩn thì vật liệu được nhập kho. Người nhập hoặc ban kiểm nghiệm ghi số lượng thực nhập vào phiếu cùng người giao hàng ký tên vào cả 3 liên biên bản.

Trong vòng 3 ngày kể từ khi vật liệu được đưa vào kho, thủ kho phải phối hợp với các phòng ban chức năng kiểm tra, đánh giá lại chất lượng sản phẩm, sau đó lập biên bản nghiệm thu mua nguyên vật liệu và ghi chép đầy đủ vào thẻ kho.

Trong trường hợp kiểm nghiệm nếu phát hiện thừa, thiếu hụt, mất phẩm chất, không đúng quy cách đã ghi trên chứng từ thì thủ kho phải báo ngay cho phòng kế hoạch biết, đồng thời cùng người giao hàng lập biên bản để kế toán có chứng từ ghi sổ.

Phiếu nhập kho sau khi đã có đầy đủ các chữ ký thì thủ kho phải giữ 1 liên kèm theo biên bản thừa (nếu có) về phòng vật tư, 1 liên thủ kho ghi vào thẻ kho số thực nhập; sau đó chuyển lên cho phòng kế toán vật liệu, 1 liên có chứng từ gốc (hóa đơn bán hàng) gửi về phòng kế toán để làm căn cứ thanh toán tiền cho người bán hàng.

Ngày 01 tháng 12 năm 2009, mua thuốc lợn Gentatylosin của Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành theo hóa đơn GTGT số 030211 (Biểu 2.2.2.1.1), thủ kho cùng các phòng ban tiến hành kiểm tra chất lượng và lập biên bản kiểm nghiệm nguyên vật liệu (Biểu 2.2.2.1.2), cuối cùng tiến hành nhập kho theo phiếu nhập số 232 (Biểu 2.2.2.1.3).

Ngày 02 tháng 12 năm 2009, mua Cám 556 của Hợp tác xã thương binh

Khóa luận tốt nghiệp

23 – 8 theo hóa đơn GTGT số 015498 (Biểu 2.2.2.1.4), thủ kho cùng các phòng ban tiến hành kiểm tra chất lượng và lập biên bản kiểm nghiệm nguyên vật liệu (Biểu 2.2.2.1.5). Kế toán viết phiếu nhập kho theo phiếu nhập số 233 (Biểu 2.2.2.1.6).

HÓA ĐƠN

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao khách hàng

Ngày 01 tháng 12 năm 2009

Mẫu số: 01 GTKT-3LL

BT/2009B

030211

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành

Địa chỉ : Thị trấn Vĩnh Ba

MST : 0700514267

Số tài khoản: Điện thoại:

Họ và tên người mua hàng: Công ty CP nuôi trồng và chế biến TP Nam Triệu.

Tên đơn vị :

Địa chỉ : Lưu Kiếm – Thủy Nguyên – Hải Phòng.

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: CK

MST: 0200727434

Khóa luận tốt nghiệp

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Xi lanh nhựa	Cái	40	1.030	41.200
2	Kim tiêm nhựa	Cái	45	1.030	46.350
3	Dây thừng	Mét	5	2.050	10.250
4	Thuốc lợn Gentatylosin	Lọ	13	69.900	908.700
5	Thuốc Vibramysin	Lọ	3	30.800	92.400
6	Thuốc Nova Bromhenxim	Lọ	60	8.700	522.000
Cộng tiền hàng:					1.620.900
Thuế suất thuế GTGT: 0%				Tiền thuế GTGT:	0
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.620.900
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu, sáu trăm hai mươi nghìn, chín trăm đồng chẵn.					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Biểu 2.2.2.1.1. Hóa đơn GTGT.

Đơn vị: Cty CP nuôi trồng và chế biến thực phẩm Nam Triệu.

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ

Ngày 01 tháng 12 năm 2009

Số:...

Căn cứ hóa đơn GTGT số 030211 ngày 01 tháng 12 năm 2009

Ban kiểm nghiệm gồm:

Ông: Nguyễn Văn Bắc

Trưởng ban

Bà: Lê Thị Thơm

Ủy viên

Đã kiểm nghiệm các loại:

Khóa luận tốt nghiệp

TT	Tên nhãn hiệu quy cách	MS	Ph- ơng thức kiểm nghiệm	ĐVT	Số l- ợng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						SL đúng quy cách	SL không đúng quy cách	
1	Xi lanh nhựa		Toàn diện	Cái	40	40		
2	Kim tiêm nhựa		Toàn diện	Cái	45	45		
3	Dây thừng		Toàn diện	Mét	5	5		
4	Thuốc lộn Gentatylosin		Toàn diện	Lọ	13	13		
5	Thuốc Vibramysin		Toàn diện	Lọ	3	3		
6	Thuốc Nova Bromhenxim		Toàn diện	Lọ	60	60		

Ý kiến của Ban kiểm nghiệm:.....

Đại diện kỹ thuật

Thủ kho

Trưởng ban

Biểu 2.2.2.1.2. Biên bản kiểm nghiệm NVL.

PHIẾU NHẬP KHO

Số: 232

Mẫu số: 01 -VT

Ngày 01 tháng 12 năm 2009

Theo QĐ số:15/2006/QĐ-BTC
ngày 20 tháng 03 năm 2006 của
Bộ trưởng Bộ tài chính

Nhận của: Lê Thị Lanh

Theo số: hóa đơn GTGT số 030211 ngày 01 tháng 12 năm 2009.

Biên bản kiểm nghiệm số:ngày.....tháng.....năm...

Người nhập: Nguyễn Thị Thơm nhập tại kho: 1 - LK

STT	Tên vật tư	Đvt	Số lượng hàng	Giá mua	Thành tiền	Giá bán	Thành tiền

Khóa luận tốt nghiệp

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: CK

MST: 0200727434

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Cám 551	Kg	1.775	12.200	21.655.000
2	Cám 553S	Kg	300	7.940	2.382.000
3	Cám 566	Kg	4.600	7.080	32.568.000
4	Cám 567S	Kg	2.450	8.440	20.678.000
Cộng tiền hàng:					77.283.000
	Thuế suất thuế GTGT: 5%	Tiền thuế GTGT:			3.864.000
		Tổng cộng tiền thanh toán:			81.147.000
Số tiền viết bằng chữ: Tám mươi một triệu, một trăm bốn mươi bảy nghìn đồng chẵn.					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Phương Thảo

Đỗ Văn Linh

Biểu 2.2.2.1.4. Hóa đơn GTGT.

Đơn vị: Cty CP nuôi trồng và chế biến thực phẩm Nam Triệu.

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ

Ngày 02 tháng 12 năm 2009

Số:...

Căn cứ hóa đơn GTGT số 015498 ngày 02 tháng 12 năm 2009

Ban kiểm nghiệm gồm:

Ông: Nguyễn Văn Bắc

Trưởng ban

Khóa luận tốt nghiệp

Bà: Lê Thị Thúy

Ủy viên

Đã kiểm nghiệm các loại:

TT	Tên nhãn hiệu quy cách	MS	Ph- ơng thức kiểm nghiệm	ĐVT	Số l- ợng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						SL đúng quy cách	SL không đúng quy cách	
1	Cám 551		Toàn diện	Kg	1.775	1.775		
2	Cám 553S		Toàn diện	Kg	300	300		
3	Cám 566		Toàn diện	Kg	4.600	4.600		
4	Cám 567S		Toàn diện	Kg	2.450	2.450		

Ý kiến của Ban kiểm nghiệm:.....

Đại diện kỹ thuật

Thủ kho

Trưởng ban

Biểu 2.2.2.1.5 Biên bản kiểm nghiệm NVL.

PHIẾU NHẬP KHO

Số: 233

Mẫu số: 01 -VT

Ngày 02 tháng 12 năm 2009

Theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20 tháng 03 năm 2006 của
Bộ trưởng Bộ tài chính

Nhận của: Hợp tác xã thương binh 23-8

Theo số: hóa đơn GTGT số 015498 ngày 02 tháng 12 năm 2009.

Biên bản kiểm nghiệm số:ngày.....tháng.....năm...

Người nhập: Nguyễn Thị Thảo

nhập tại kho: 01 - LK

Khóa luận tốt nghiệp

STT	Tên vật tư	Đvt	Số lượng hàng	Giá mua	Thành tiền	Giá bán	Thành tiền
1	Cám 551	Cái	Kg	1.775	21.655.000		
2	Cám 553S	Cái	Kg	300	2.382.000		
3	Cám 566	Mét	Kg	4.600	32.568.000		
4	Cám 567S	Lọ	Kg	2.450	20.678.000		
	Cộng				77.283.000		

Cộng thành tiền (Bằng chữ): Bảy mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi ba nghìn đồng chẵn.

Nhập, ngày 02 tháng 12 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị PT cung tiêu Người giao hàng Thủ kho Kế toán trưởng

Biểu 2.2.2.1.6. Phiếu nhập kho.

2.2.2.2. Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu.

Khi phát sinh nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu để phục vụ cho sản xuất, phòng kế hoạch căn cứ vào sản lượng định mức và định mức tiêu hao vật liệu đó, ra lệnh xuất vật liệu. Phòng kế hoạch lập phiếu xuất kho thành 3 liên, sau đó chuyển cho thủ kho 2 liên, phòng kế hoạch giữ 1 liên. Khi lĩnh vật tư, đơn vị phải đem phiếu xuất kho này xuống kho, thủ kho ghi lại số lượng thực xuất vào thẻ kho. Cuối tháng thủ kho thu lại phiếu xuất kho của các đơn vị, tính ra số vật tư đã xuất, đối chiếu với thẻ kho rồi ký vào 3 liên:

Khóa luận tốt nghiệp

Liên 1: lưu tại phòng vật tư giữ để ghi vào sổ vật tư của đơn vị

Liên 2: giao cho nhân viên mua hàng thuộc bộ phận cung ứng vật tư.

Liên 3: gửi lên phòng kế toán làm căn cứ chứng từ ghi sổ.

Ngày 10 tháng 12 năm 2009, căn cứ vào nhu cầu sử dụng vật liệu, phòng kế hoạch ra lệnh xuất kho thuốc lợn Gentatylosin (Biểu 2.2.2.2.1), sau đó phòng kế hoạch lập phiếu xuất kho số 588 (Biểu 2.2.2.2.2).

Ngày 19 tháng 12 năm 2009, căn cứ vào nhu cầu sử dụng vật liệu, phòng kế hoạch ra lệnh xuất kho Cám 566 (Biểu 2.2.2.2.3), sau đó phòng kế hoạch lập phiếu xuất kho số 601 (Biểu 2.2.2.2.4).

Cty CP nuôi trồng và chế biến TP Nam Triệu
Thôn Trại Viên, Xã Lưu Kiếm, Thủy Nguyên, Hải Phòng.

LỆNH XUẤT VẬT TƯ

Ngày 10 tháng 12 năm 2009

Số:...

Họ tên người nhận hàng: Trần Thị Vân.

Khóa luận tốt nghiệp

Địa chỉ: tổ chăn nuôi 01.

Lý do xuất kho: Xuất cho chuồng lợn thịt.

Xuất tại kho: Kho nguyên vật liệu.

STT	Mã kho	Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng yêu cầu
1	KHO1	22.01.00251 - Thuốc lợn Interspectin	Lọ	3
2	KHO1	22.01.00253 - Thuốc lợn Gentatylosin	Lọ	13
		-		
		-		
		-		
		-		
		-		
Cộng				16

Phụ trách bộ phận sử dụng

Người nhận hàng

Phòng kế hoạch

Biểu 2.2.2.2.1. Lệnh xuất vật tư.

Cty CP nuôi trồng và chế biến TP Nam Triệu Thôn Trại Viên,
Xã Lưu Kiếm, Thủy Nguyên, Hải Phòng.

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 10 tháng 12 năm 2009

Số: 588

Người nhận hàng:

Đơn vị: KH000898 - Trần Thị Vân

Địa chỉ: Trang trại nuôi lợn Lưu Kiếm.

Khóa luận tốt nghiệp

Họ tên người nhận hàng: Trần Thị Vân.

Địa chỉ: tổ chăn nuôi 01.

Lý do xuất kho: Xuất cho chuồng lợn thịt.

Xuất tại kho: Kho nguyên vật liệu.

STT	Mã kho	Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng yêu cầu
1	KHO1	21.05.00197 – Cám 566	Kg	2.300
2	KHO1	21.05.00188 – Cám 554 L	Kg	750
		-		
		-		
		-		
		-		
		-		
Cộng				3.050

Phụ trách bộ phận sử dụng

Người nhận hàng

Phòng kế hoạch

Biểu 2.2.2.2.3. Lệnh xuất vật tư.

Cty CP nuôi trồng và chế biến TP Nam Triệu Thôn Trại Viên,
Xã Lưu Kiếm, Thủy Nguyên, Hải Phòng.

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 19 tháng 12 năm 2009

Số: 601

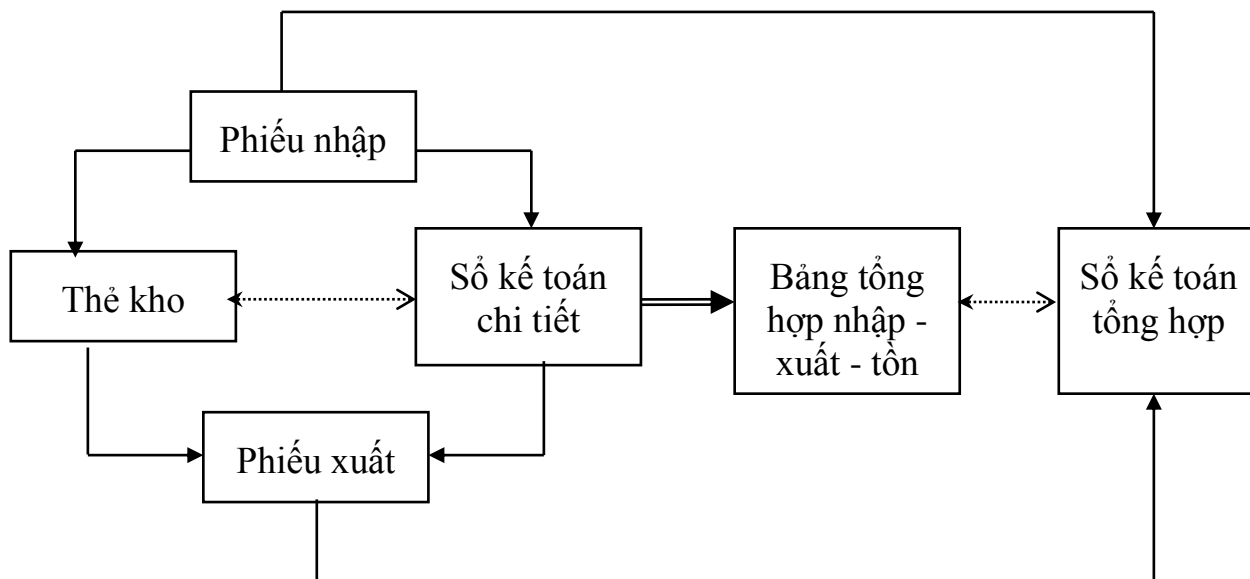
Người nhận hàng:

Đơn vị: KH000898 - Trần Thị Vân

Địa chỉ: Trang trại nuôi lợn Lưu Kiếm.

Công ty hiện đang áp dụng hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song.

Phương pháp thẻ song song mà Công ty áp dụng có thể khái quát như sau:



Sơ đồ 2.2.3.1. Sơ đồ hạch toán chi tiết NVL tại công ty CP nuôi trồng và chế biến TP Nam Triệu.

* Tại kho: Hàng ngày, khi nhận được các chứng từ nhập kho, thủ kho kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của các chứng từ, sắp xếp phân loại cho từng thứ vật liệu theo từng kho ghi số lượng thực nhập vào thẻ kho. Mỗi chứng từ được ghi vào một dòng của thẻ kho. Cuối ngày thẻ kho phải tính ra số tồn kho của từng vật liệu trên thẻ kho. Định kỳ, 5 đến 7 ngày kế toán theo dõi vật liệu xuống kho lấy chứng từ hoặc thủ kho sẽ chuyển lên phòng kế toán.

* Tại phòng kế toán: Kế toán nguyên vật liệu ở Công ty sử dụng sổ chi tiết vật tư để ghi chép tình hình nhập - xuất - tồn nguyên vật liệu. Sổ chi tiết vật liệu là sổ kế toán chi tiết mở cho từng thứ loại vật liệu tương ứng với thẻ kho của thủ kho.

Khóa luận tốt nghiệp

Định kỳ, sau khi nhận được các chứng từ nhập kho do thủ kho chuyển đến, kế toán nguyên vật liệu tiến hành sắp xếp, phân loại theo số thứ tự của phiếu nhập của từng kho và ghi vào sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu .

Sổ chi tiết nguyên vật liệu được đóng thành từng quyển và mở phù hợp với từng loại vật liệu của từng kho (đối với vật liệu chính), từng mã vật tư của từng kho (đối với vật liệu phụ) và từng nhóm vật liệu như nhiên liệu.

Với việc chấp nhận nguyên vật liệu cho sản phẩm thì kế toán phải theo dõi cả số lượng và giá trị nguyên vật liệu.

Định kỳ, kế toán vật liệu kiểm tra việc ghi chép thẻ kho của thủ kho. Nếu số liệu trên sổ chi tiết khớp với số liệu trên thẻ kho thì kế toán ký xác nhận vào thẻ kho.

Cuối tháng, kế toán lập báo cáo nhập – xuất tồn và đối chiếu với sổ tổng hợp nguyên vật liệu.

Từ các phiếu nhập, phiếu xuất ở trên

- Tại kho: thủ kho lập thẻ kho thuốc lợn Gentatylosin (Biểu 2.2.3.1), thẻ kho Cám 566 (Biểu 2.2.3.2)

- Tại phòng kế toán: kế toán lập Sổ chi tiết nguyên vật liệu – thuốc lợn Gentatylosin (Biểu 2.2.3.3), Sổ chi tiết nguyên vật liệu – Cám 566 (Biểu 2.2.3.4).

Từ các Sổ chi tiết, kế toán lập Báo cáo nhập – xuất – tồn vật tư (Biểu 2.2.3.5).

Tổng Công ty CNTT Nam Triệu
CTY CP nuôi trồng và chế biến TP Nam Triệu

Thẻ kho

Tên vật tư: thuốc lợn Gentatylosin

Đơn vị tính: lọ

Chứng từ		Diễn giải	Số nhập	Số xuất	Số tồn kho
Ngày	Số				

Khóa luận tốt nghiệp

		Tồn đầu tháng 12			10
01/12/2009	PN 232	Nhập của Cty TNHH dược phẩm Đô Thành	13		23
10/12/2009	PX 588	Xuất phục vụ sản xuất		13	10
		Tồn cuối tháng 12			10

Biểu 2.2.3.1. Thẻ kho

Khóa luận tốt nghiệp

Tổng Công ty CNTT Nam Triệu
CTY CP nuôi trồng và chế biến TP Nam Triệu

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 12 năm 2009

Tên nguyên vật liệu: Thuốc lợn Gentatylosin

Đơn vị tính: lọ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
	Ngày	Số				Sl	Thành tiền	Sl	Thành tiền	Sl	Thành tiền
	1/12/		Số dư đầu kỳ							10	255.000
1/12	1/12/	PN 232	Nhập của Cty TNHH dược phẩm Đô Thành	331	69.900	13	908.700			23	1.163.700
31/12	10/12/	PX 588	Xuất phục vụ sản xuất	6211	50.595,6			13	657.743	10	505.957
			Cộng			13	908.700	13	657.743		
			Số dư cuối kỳ							10	505.957

Biểu 2.2.3.2. Sổ chi tiết nguyên vật liệu.

Khóa luận tốt nghiệp

Tổng Công ty CNTT Nam Triệu
CTY CP nuôi trồng và chế biến TP Nam Triệu

Thẻ kho

Tên vật tư: Cám 556

Đơn vị tính: kg

Chứng từ		Diễn giải	Sl nhập	Sl xuất	Sl tồn kho
Ngày	Số				
		Tồn đầu tháng 12			0
02/12/2009	PN 233	Nhập của HTX Thương binh 23-8	4.600		4.600
05/12/2009	PX 580	Xuất phục vụ sản xuất		2.150	2.450
12/12/2009	PX 591	Xuất phục vụ sản xuất		1.800	650
16/12/2009	PN 242	Nhập của HTX Thương binh 23-8	3.450		4.100
19/12/2009	PX 601	Xuất phục vụ sản xuất		2.300	1.800
26/12/2009	PN 249	Nhập của HTX Thương binh 23-8	3.575		5.375
31/12/2009	PX 615	Xuất phục vụ sản xuất		3.500	1.875
		Tồn cuối tháng 12			1.875

Biểu 2.2.3.4. Thẻ kho

Khóa luận tốt nghiệp

Tổng Công ty CNTT Nam Triệu
CTY CP nuôi trồng và chế biến TP Nam Triệu

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU
Tháng 12 năm 2009

Tên nguyên vật liệu: Cám 556

Đơn vị tính: lọ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
	Ngày	Số				SI	Thành tiền	SI	Thành tiền	SI	Thành tiền
	1/12/		Số dư đầu kỳ							0	0
2/12/	2/12/	PN 233	Nhập của HTX Thương binh 23-8	331	7.080	4.600	32.568.000			4.600	32.568.000
31/12/	5/12/	PX 580	Xuất phục vụ sản xuất	6211	7.140,4			2.150	15.351.860	2.450	17.216.140
31/12/	12/12/	PX 591	Xuất phục vụ sản xuất	6211	7.140,4			1.800	12.852.720	650	4.363.420
16/12/	16/12/	PN 242	Nhập của HTX Thương binh 23-8	331	7.180	3.450	24.771.000			4.100	29.134.420
31/12/	19/12/	PX 601	Xuất phục vụ sản xuất	6211	7.140,4			2.300	16.422.920	1.800	12.711.500
26/12/	26/12/	PN 249	Nhập của HTX Thương binh 23-8	331	7.180	3.575	25.668.500			5.375	38.380.000
31/12/	31/12/	PX 615	Xuất phục vụ sản xuất	6211	7.140,4			3.500	24.991.400	1.875	13.388.600
			Cộng			11.625	83.007.500	9.750	69.618.900		
			Số dư cuối kỳ							1.875	13.388.600

Biểu 2.2.3.5. Sổ chi tiết nguyên vật liệu.

Khóa luận tốt nghiệp

Tổng Công ty CNTT Nam Triệu
CTY CP nuôi trồng và chế biến TP Nam Triệu

TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT - TỒN
Tháng 12 Năm 2009

STT	Mã vật tư	Tên vật tư	Đvt	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
				Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
...
8	21.05.00187	Cám 551	kg	2,599.900	31,405,900	6,725.000	82,540,000	7,000.000	85,536,716	2,324.900	28,409,184
9	21.05.00188	Cám 554 L	kg			2,625.000	17,850,000	2,550.000	17,340,000	75.000	510,000
10	21.05.00194	Cám 567	kg	80.000	635,200	525.000	4,273,500	350.000	2,839,744	255.000	2,068,956
11	21.05.00197	Cám 566	kg			11,625.000	83,007,500	9,750.000	69,618,900	1,875.000	13,388,600
12	21.05.00198	Cám 567 S	kg	75.000	624,639	5,625.000	47,792,500	4,575.000	38,861,133	1,125.000	9,556,006
13	21.05.00200	Cám 552 S	kg	178.500	1,534,926	0.000		150.000	1,289,854	28.500	245,072
14	21.05.00201	Cám 553 S	kg			750.000	6,000,000	750.000	6,000,000		
...
22	22.01.00251	Thuốc lợn Interspectin	lọ	6.000	1,074,286			3.000	537,143	3.000	537,143
23	22.01.00253	Thuốc lợn Gentalylosin	lọ	10.000	255,000	13.000	908,700	13.000	657,743	10.000	505,957
...									
30	22.01.00706	Vôi bột	Bao	22.000	755,786			10.000	343,539	12.000	412,247
31	22.01.00707	Củi	m3	14.000	1,694,598					14.000	1,694,598
32	22.01.00708	Keo dán bột	Hộp	7.000	319,999			2.000	91,428	5.000	228,571
...
	Cộng				577,761,888		470,165,916		580,877,188		467,050,616

BIỂU 2.2.3.6. Trích Bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn.

2.2.4. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty CP nuôi trồng và chế biến TP Nam Triệu.

Do đặc điểm nguyên vật liệu tại Công ty rất đa dạng và phong phú, Công ty đã sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu.

* Để hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu, Công ty sử dụng các tài khoản:

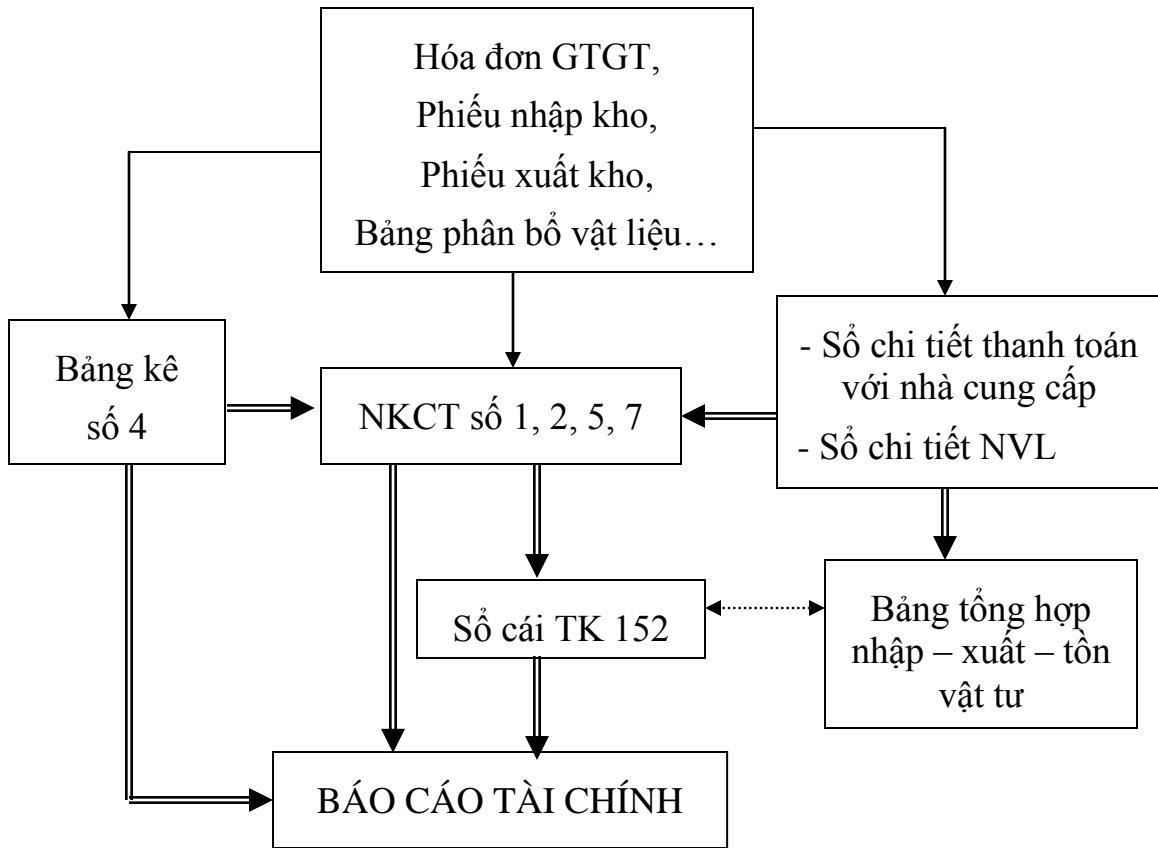
- TK 152: Nguyên liệu, vật liệu. Tài khoản này được mở chi tiết thành 2 tiểu khoản:

1521: Chăn nuôi

1522: Trồng trọt

- Ngoài ra còn sử dụng các tài khoản sau để hạch toán: TK154, TK111, TK331, TK141, TK621, TK627, TK333, ...

* Quy trình hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Công ty được mô tả như sau:



Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- ==> : Ghi cuối tháng
- ←.....→ : Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.2.4.1. Quy trình hạch toán tổng hợp NVL tại công ty CP nuôi trồng và chế biến TP Nam Triệu.

2.2.4.1. Kế toán tổng hợp nhập kho vật liệu.

Vật liệu nhập kho Công ty chủ yếu từ nguồn mua bên ngoài. Vật liệu ở Công ty phần lớn được mua theo phương thức thanh toán trả chậm, trả trực tiếp bằng tiền mặt, tiền tạm ứng và trả bằng chuyển khoản...

Chứng từ sử dụng bao gồm:

- Hóa đơn bán hàng.
- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu nhập kho.
- Phiếu chi, giấy báo có.

* Đối với vật liệu mua ngoài nhập kho:

- Nếu Công ty thanh toán trực tiếp với người bán bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng thì kế toán căn cứ vào hóa đơn phiếu nhập kho, phiếu chi tiền mặt, giấy báo nợ... để ghi vào NKCT số 1, 2 như sau:

Nợ TK 152: giá mua chưa có thuế

Nợ TK 133: thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

Có TK 111, 112: tổng giá thanh toán

- Trường hợp hàng nhập kho chưa thanh toán tiền cho người bán thì để theo dõi các nghiệp vụ thanh toán với người bán, kế toán mở Sổ chi tiết TK 331 – Phải trả người bán. Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn, phiếu nhập kho để ghi vào Sổ chi tiết TK 331 (phần Có) như sau:

Nợ TK 152: giá mua chưa có thuế

Nợ TK 133: thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

Có TK 331: tổng giá thanh toán

Khóa luận tốt nghiệp

Trong tháng, khi Công ty thực hiện thanh toán với người bán thì căn cứ vào các chứng từ thanh toán (phiếu chi, giấy báo nợ...) ghi vào Sổ chi tiết TK 331 (phần Nợ) như sau:

Nợ TK 331

Có TK 111, 112

Ngoài ra, các khoản phải trả người bán còn được theo dõi trên “Nhật ký – chứng từ số 5”. Nhật ký – chứng từ số 5 là một loại sổ kế toán tổng hợp được mở để phản ánh và theo dõi tình hình thanh toán với nhà cung cấp của toàn Công ty, là cơ sở để tổng hợp giá trị vật liệu mua ngoài nhập kho.

Cuối tháng, khóa sổ Nhật ký – chứng từ số 5 để xác định số phát sinh bên Có của TK 331 đối ứng Nợ với các TK liên quan.

- Đối với vật liệu mua ngoài nhập kho bằng tiền tạm ứng:

Khi công ty có nhu cầu mua vật liệu, căn cứ vào giấy đề nghị mua nguyên vật liệu đã được ký duyệt, kế toán tạm ứng tiền cho nhân viên tiếp liệu đi mua vật liệu. Số tạm ứng được theo dõi trên Sổ chi tiết TK 141 mở cho từng đối tượng nhận tạm ứng.

Cơ sở số liệu để ghi sổ chi tiết TK 141 là số liệu từ sổ chi tiết theo dõi tạm ứng của kỳ trước. Số liệu trên các chứng từ như: Sổ đề nghị tạm ứng, phiếu chi, phiếu thu đối với các khoản tạm ứng... để phản ánh số tiền tạm ứng tại thời điểm đầu kỳ, số tiền phát sinh trong tháng và từ đó tính ra số còn tạm ứng đến cuối kỳ.

Khóa luận tốt nghiệp

Ngày 01 tháng 12 năm 2009, mua thuốc lợn Gentatylosin của Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành theo hóa đơn GTGT số 030211.

Kế toán định khoản, ghi vào sổ chi tiết TK 331 (Biểu 2.2.4.1.1). Toàn bộ số liệu ở dòng tổng cộng trên sổ chi tiết TK 331 sẽ là căn cứ để ghi vào Nhật ký chứng từ số 5 (Biểu 2.2.4.1.2).

Ngày 02 tháng 12 năm 2009, mua Cám 556 của Hợp tác xã thương binh 23 – 8 theo hóa đơn GTGT số 015406.

Kế toán định khoản, ghi vào sổ chi tiết TK 331 (Biểu 2.2.4.1.3) Toàn bộ số liệu ở dòng tổng cộng trên sổ chi tiết TK 331 sẽ là căn cứ để ghi vào Nhật ký chứng từ số 5 (Biểu 2.2.4.1.2). Khi thanh toán tiền kế toán công nợ ghi vào Sổ chi tiết TK 112, và NKCT số 2. Cuối tháng, khóa sổ NKCT số 2, xác định tổng số phát sinh bên Có TK 112 đối ứng nợ với các tài khoản có liên quan và lấy số tổng cộng của NKCT số 2 để ghi vào Sổ cái TK 152.

Khóa luận tốt nghiệp

Tổng Công ty CNTT Nam Triệu
CTY CP nuôi trồng và chế biến TP Nam Triệu

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

TK 331 - Phải trả người bán
Cty TNHH dược phẩm Đô Thành - KH000946
Tháng 12 năm 2009

Chứng từ			Dien_giai	Tk_du	Số phát sinh		Số dư	
Ngày	Số				Ps_no	Ps_co	Sd_no	Sd_co
//			Số dư có đầu kỳ				0	
//			Tổng số phát sinh trong kỳ		1.620.900	1.620.900		
//			Số dư có cuối kỳ				0	
//								
01/12/2009	HĐ GTGT	030211	Mua nguyên vật liệu nhập kho	1521		1.620.900	1.620.900	
10/12/2009	PC	2390	Thanh toán bằng tiền mặt	1111	1.620.900		0	

Biểu 2.2.4.1.1. Sổ chi tiết thanh toán với người bán.

Khóa luận tốt nghiệp

Tổng Công ty CNTT Nam Triệu
CTY CP nuôi trồng và chế biến TP Nam Triệu

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

TK 331 - Phải trả người bán
HTX thương binh 23-8 - KH000737
Tháng 12 năm 2009

Chứng từ			Diện_giai	Tk_du	Số phát sinh		Số dư	
Ngày	Số				Ps_no	Ps_co	Sd_no	Sd_co
//			Số dư có đầu kỳ				10.513.426	
//			Tổng số phát sinh trong kỳ		236.572.000	241.008.205		
//			Số dư có cuối kỳ				14.949.631	
2/12/2009	HĐ GTGT	015498	Mua nguyên vật liệu nhập kho	1521		77.283.000	87.796.426	
2/12/2009	HĐ GTGT	015498	VAT về mua nguyên vật liệu	133		3.864.000	91.660.426	
7/12/2009	PC	2068	Thanh toán bằng tiền mặt		51.147.000		40.513.426	
9/12/2009	UNC	98	Thanh toán bằng tiền gửi tại IndovinaBank	11219	30.000.000		10.513.426	
16/12/2009	HĐ GTGT	015515	Mua nguyên vật liệu nhập kho	1521		76.786.500	87.299.926	
16/12/2009	HĐ GTGT	015515	VAT về mua nguyên vật liệu	133		3.839.000	91.138.926	
20/12/2009	UNC	101	Thanh toán bằng tiền gửi tại IndovinaBank	11219	50.125.000		41.013.926	
26/12/2009	HĐ GTGT	015523	Mua nguyên vật liệu nhập kho	1521		75.490.705	116.504.631	
26/12/2009	HĐ GTGT	015523	VAT về mua nguyên vật liệu	133		3.745.000	120.249.631	
31/12/2009	UNC	105	Thanh toán bằng tiền gửi tại IndovinaBank	11219	105.300.000		14.949.631	

Biểu 2.2.4.1.3. Sổ chi tiết thanh toán với người bán.

Khóa luận tốt nghiệp

Tổng Công ty CNTT Nam Triệu
 CTY CP nuôi trồng và chế biến TP Nam Triệu

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 5
 TK 331 - Phải trả người bán
 Tháng 12 năm 2009

STT	Tên đơn vị	Số dư đầu tháng		N1521	...	Cong_co	C112	...	Cong_no	Số dư cuối tháng	
		Sd_no	Sd_co							Sd_no	Sd_co
1	Công ty CP Thú y xanh Việt Nam - KH000499			4.938.000		4.938.000			4.938.000		
2	Công ty CP CN Hàn Việt Nam - KH000055		0	756.000		756.000			756.000		0
3	HTX Thương binh 23-8 - KH000737		10.513.426	241.037.015		229.560.205	185.425.000		236.572.000		14.978.441
4	Công ty TNHH Xan Da Quảng Ninh - KH000919		100.562.385	398.182		398.182			398.182		110.125.652
5	Cty TNHH dược phẩm Đô Thành - KH000946		0	1.620.900		1.620.900			1.620.900		0
...
	Cộng		869.308.700	470.165.916	...	568.637.953	420.000.000	...	1.469.311.321	293.731.880	970.510.297

Biểu 2.2.4.1.2. Nhật ký chứng từ số 5.

2.2.4.2. Kế toán tổng hợp xuất kho vật liệu.

Trong điều kiện thực hiện sản xuất hàng hoá theo nguyên tắc hạch toán kinh doanh, giá trị vật liệu xuất dùng cho sản xuất sản phẩm đ- ợc xác định là một trong những yếu tố chính cấu thành nên chi phí sản xuất và tính vào giá thành sản phẩm. Bởi vậy kế toán tổng hợp xuất vật liệu trong doanh nghiệp phải phản ánh kịp thời, phân bổ chính xác giá thực tế vật liệu xuất dùng cho các đối t- ợng sử dụng cũng nh- đối t- ợng tập hợp chi phí.

Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho.
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu
- Nhật ký chứng từ số 7.

Để tiến hành tổng hợp xuất vật liệu, kế toán dùng tài khoản 621 – chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và tài khoản 627 – chi phí sản xuất chung.

Khi xuất kho nguyên vật liệu theo nhu cầu sản xuất của đối tượng sử dụng trên cơ sở các phiếu xuất kho kế toán tiến hành phân loại từng nhóm vật liệu và đối tượng sử dụng, đối tượng tập hợp chi phí , sau đó kế toán lập Bảng phân bổ nguyên vật liệu (bảng phân bổ số 2).

Bảng phân bổ nguyên vật liệu dùng để phản ánh giá trị nguyên vật liệu xuất kho trong tháng và phân bổ giá trị vật liệu xuất dùng cho các đối tượng sử dụng hàng tháng (ghi Có TK 152, ghi Nợ các tài khoản có liên quan).

Căn cứ vào Bảng phân bổ nguyên vật liệu, cuối tháng kế toán lập Bảng kê số 4. Từ Bảng kê số 4, kế toán lập Nhật ký chứng từ số 7. Số liệu trên Nhật ký chứng từ số 7 là cơ sở để ghi vào Sổ cái TK 152

Khóa luận tốt nghiệp

Từ các phiếu xuất kho, kế toán lập Bảng phân bổ nguyên vật liệu tháng 12 năm 2009 (Biểu 2.2.4.2.1).

Căn cứ vào Bảng phân bổ nguyên vật liệu, lập Bảng kê số 4 (Biểu 2.2.4.2.2).

Từ Bảng kê số 4, kế toán lập Nhật ký chứng từ số 7 (Biểu 2.2.4.2.3).

Cuối tháng, lập Sổ cái TK 152 (Biểu 2.2.4.2.4).

BẢNG PHÂN BỐ NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 12 năm 2009

STT	có nợ	1521	1522
1	621 Chi phí NVL trực tiếp	515.662.959	29.275.865
2	6211 Chi phí NVL trực tiếp - Chăn nuôi	55.158.464	2.718.948
3	6211 - Tổ nuôi lợn thịt	22.751.942	1.093.263
4	6211 - Tổ nuôi lợn hơi	32.406.522	1.625.685
5	6211 - Tổ nuôi lợn nái	-	-
6	6222 Chi phí NVL trực tiếp - Trồng trọt		26.556.917
7	627 Chi phí sản xuất chung		35.938.364
8	6272 Chi phí vật liệu		35.938.364
9	62721 Chi phí vật liệu - Chăn nuôi		80.000
10	62721 Chi phí vật liệu - Trồng trọt		35.858.364
	Cộng	515.662.959	65.214.229

Biểu 2.2.4.2.1. Bảng phân bổ nguyên vật liệu.

Khóa luận tốt nghiệp

Tổng Công ty CNTT Nam Triệu
CTY CP nuôi trồng và chế biến TP Nam Triệu

BẢNG KÊ SỐ 4
Tháng 12 năm 2009

St t	Tk ghi Nợ	Tk ghi Có	...	C1521	C1522	C6211	...	Tổng cộng
1	154 Chi phí SXKD dở dang					544.938.824		1.125.592.286
2	154 Chi phí SXKD dở dang - Chăn nuôi					544.938.824		920.051.583

5	621 Chi phí NVL trực tiếp			515.662.959	29.275.865			544.938.824
6	6211 Chi phí NVL trực tiếp - Chăn nuôi			55.158.464	2.718.948			121.864.900
7	6222 Chi phí NVL trực tiếp - Trồng trọt				26.556.917			

11	6272 Chi phí vật liệu							110.299.285
12	62721 Chi phí vật liệu - Chăn nuôi							110.299.285
13	62721 Chi phí vật liệu - Trồng trọt							
14	6273 Chi phí công cụ dụng cụ							30.639.786
15	6273 Chi phí công cụ dụng cụ - Chăn nuôi							30.639.786
16	6274 Chi phí khấu hao TSCĐ							9.777.789
17	6278 Chi phí bằng tiền khác							150.187.566
18	Tổng cộng		515.662.959	65.214.229	95.683.159	2.104.335.401

Biểu 2.2.4.2.2. Bảng kê số 4

Khóa luận tốt nghiệp

Tổng Công ty CNTT Nam Triệu
CTY CP nuôi trồng và chế biến TP Nam Triệu

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 7
Tháng 12 năm 2009

có nợ	111	112	152	153	...	331VT	621	...	Tổng cộng
...				
152						470,165,916			470,165,916
154							544,938,824		1.125.592.286
...					
311	200,000,000	66,000,000							266,000,000
331VT	1,009,486,201	420,000,000							1,469,311,321
334	436,392,389								442,818,549
...				
621			544,938,824						544,938,824
622									121,864,900
627	12,114,965	48,342,566	35,938,364	30,639,786					311,939,391
632									1,497,517,008
635	12,675,000	146,114,433							158,789,433
...				
Cộng	2,559,504,711	815,660,706	580,877,188	31,645,589	...	568,637,953	544,938,824	...	19,317,554,672

Biểu 2.2.4.2.3. NKCT số 7.

Khóa luận tốt nghiệp

Cty CP nuôi trồng và chế biến thực phẩm Nam Triệu

SỔ CÁI TK 152

Năm 2009

Số dư đầu năm	
Nợ	Có
399,478,063	

Ghi có các TK đối ứng nợ với TK này	...	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
331		1,037,752,149	871,094,980	470,165,916
Công PS nợ		1,037,752,149	871,094,980	470,165,916
Công PS có		902,945,780	884,513,529	580,877,188
Dư nợ cuối tháng		591,180,437	577,761,888	467,050,616
Dư có cuối tháng				

Biểu 2.2.4.2.4. Sổ cái TK 152.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NUÔI TRỒNG VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NAM TRIỆU.

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán tại công ty cổ phần nuôi trồng và chế biến thực phẩm Nam Triệu.

3.1.1. Ưu điểm.

- Về khâu thu mua nguyên vật liệu: Công ty đã tổ chức được bộ phận tiếp liệu chuyên đảm nhận công tác thu mua nguyên vật liệu trên cơ sở đã xem xét, cân đối giữa kế hoạch và nhu cầu sản xuất.

- Về khâu dự trữ nguyên vật liệu: Với khối lượng nguyên vật liệu sử dụng tương đối lớn, chủng loại vật tư nhiều, đa dạng mà đơn vị vẫn đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời cho sản xuất, không để tình trạng ứ đọng nhiều nguyên vật liệu hoặc ngừng sản xuất. Công ty đã xác định mức dự trữ cần thiết, hợp lý đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh không bị gián đoạn, nguồn vốn không bị ứ đọng.

- Về khâu sử dụng nguyên vật liệu: nguyên vật liệu được dùng đúng mục đích sản xuất dựa trên định mức vật liệu trước khi xuất vật liệu sản xuất. Khi có nhu cầu về vật liệu thì các bộ phận phải có giấy đề xuất lên phòng vật tư và phải được ban lãnh đạo ký duyệt. Điều này giúp cho việc quản lý xuất nguyên vật liệu chặt chẽ hơn và là cơ sở chủ yếu cho việc phân đấu hạ giá thành sản phẩm.

- Về khâu quản lý nguyên vật liệu: Bộ máy kế toán có sự phân công rõ ràng, hợp lý phù hợp với trình độ, chuyên môn của mỗi người được tổ chức theo mô hình tập trung, gọn nhẹ nhưng vẫn đáp ứng được khối lượng công việc tương đối lớn. Đồng thời đội ngũ cán bộ kế toán của Công ty là đa số những người có kinh

nghiệm lâu năm, nhiệt tình, nhạy bén trong việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tổng hợp thông tin kế toán.

Nguyên vật liệu của Công ty rất đa dạng, phong phú, nhiều chủng loại đã được phân loại và đánh mã số vật tư thuận tiện cho việc quản lý nguyên vật liệu.

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký – chứng từ để ghi sổ sách kế toán là phù hợp với quy mô, đặc điểm và loại hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh lưu giữ các chứng từ, Công ty còn tổ chức in sổ sách sao lưu trên máy vi tính theo từng tháng để bảo quản, lưu trữ.

Nhằm đưa hoạt động kế toán trở nên thuận lợi, đơn giản, hiệu quả và mang tính chuyên nghiệp hơn, Công ty đang tiến hành áp dụng phần mềm kế toán Cyber. Hình thức kế toán máy cho phép kế toán lưu trữ và truy nhập số liệu nhanh chóng và chính xác, mặt khác tiết kiệm được chi phí. Công ty luôn cập nhật những quy định mới nhất để hạch toán theo đúng chế độ hiện hành. Phòng kế toán tài chính luôn cập nhật và nắm bắt những điều chỉnh, thay đổi của chế độ kế toán, nhanh chóng tiếp thu và vận dụng những hướng dẫn về hạch toán kế toán đối với doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất nói riêng.

3.1.2. Nhược điểm.

Bên cạnh những ưu điểm, công tác quản lý và sử dụng nguyên vật liệu còn gặp phải những hạn chế nhất định cần phải được cải tiến để công tác quản lý nguyên vật liệu trong công ty hợp lý hơn.

- Về việc hạch toán nguyên vật liệu:

Công ty chưa hạch toán, quản lý nguyên vật liệu theo cách phân loại nguyên vật liệu: nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ, nhiên liệu... nên không đáp ứng được việc theo dõi từng loại nguyên vật liệu.

- Về việc sử dụng nguyên vật liệu:

Trong kỳ nguyên vật liệu xuất dùng ít hơn so với kế hoạch đề ra, cuối kỳ kế toán không biết số lượng nguyên vật liệu xuất kho cho các phân xưởng chưa được sử dụng.

- Phương pháp thẻ song song dẫn tới việc ghi chép trùng lặp giữa kế toán và thủ kho. Công việc kế toán vừa tiến hành bằng máy tính, vừa viết tay nên còn trùng lặp ở một số khâu.

- Công ty không sử dụng tài khoản 159- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Trong thực tế, việc trích lập các khoản dự phòng là rất quan trọng, nó giúp cho đơn vị đánh giá được giá trị thực của tài sản hiện có. Là một Công ty lớn, số lượng NVL nhiều do đó mà không thể tránh khỏi hiện tượng giảm giá của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của NVL. Do đó, việc lập quỹ dự phòng cho vật tư, hàng hóa là cần thiết nhằm bù đắp những thiệt hại thực tế có thể xảy ra.

Khóa luận tốt nghiệp

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty cổ phần nuôi trồng và chế biến thực phẩm Nam Triệu.

- Về việc hạch toán nguyên vật liệu:

Có thể lập Bản kê chi tiết cho nguyên vật liệu chính như sau:

BẢNG KÊ CHI TIẾT TK 152

Tháng 12 năm 2009

Loại nguyên vật liệu: nguyên vật liệu chính,

Số hiệu		Nội dung	Tổng số tiền	Có TK 331, nợ các TK liên quan		
S	N			TK 152	133	
01	3/12	Nhập Cám 551	5.544.000	5.280.000	264.000	
02	12/12	Hạt giống Rau cải chíp	12.000	12.000		
...
		Tổng cộng

- Về việc sử dụng nguyên vật liệu:

Công ty nên lập phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ.

Số lượng vật liệu còn lại cuối tháng chia làm 2 loại: nhập lại kho và dùng vào việc khác.

Khóa luận tốt nghiệp

Nếu nguyên vật liệu còn sử dụng tiếp thì bộ phận sử dụng lập phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ thành 2 liên:

+ 01 liên giao cho phòng cung tiêu.

+ 01 liên giao cho phòng kế toán.

Phụ trách bộ phận sử dụng ký tên

Phiếu báo vật t- còn lại cuối kỳ đ- ợc lập nh- sau:

PHIẾU BÁO VẬT TƯ CÒN LẠI CUỐI THÁNG

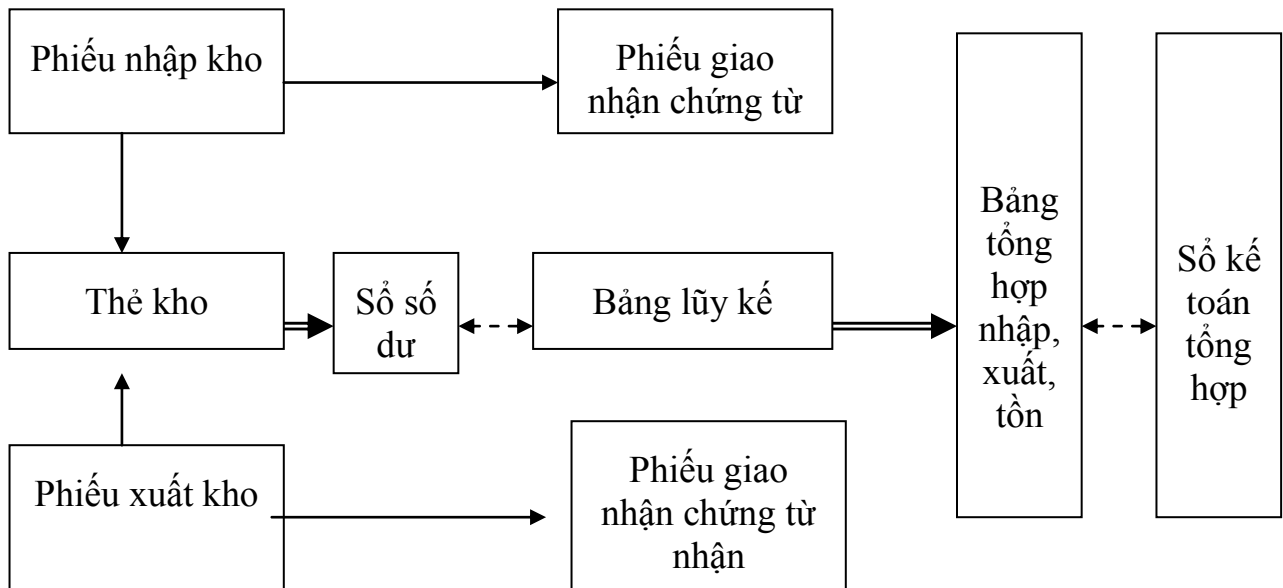
Tháng 12 năm 2009

Bộ phận: Tổ nuôi lợn hơi

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư	MS	ĐVT	Số lượng	Lý do SD
1	Cám 551 L	21.05.00187	Kg	50	
2	Cám 556	21.05.00197	Kg	20	
3	
	Cộng			...	

Khóa luận tốt nghiệp

- Để hạn chế việc ghi chép trùng lặp giữa kế toán và thủ kho ở phương pháp thẻ song song, và để phù hợp hơn với tình hình biến động thường xuyên của NVL, năng lực của nhân viên kế toán Công ty có thể xem xét việc áp dụng phương pháp Sổ số dư để hạch toán chi tiết NVL. Với phương pháp này Công ty hạn chế được việc ghi chép trùng lặp mà còn dàn đều công việc ghi sổ trong kỳ, không bị dồn việc vào cuối kỳ. Quy trình kế toán chi tiết theo phương pháp này được khái quát như sau:



Phương pháp này đòi hỏi nhân viên kế toán và thủ kho có trình độ nghiệp vụ cao và việc kiểm tra, đối chiếu và phát hiện sai sót tương đối khó khăn, nhưng với trình độ chuyên môn cao và đồng đều của mỗi nhân viên trong phòng kế toán Công ty có thể áp dụng được phương pháp này. Bên cạnh ghi thẻ kho, thủ kho phải ghi lượng NVL tồn kho từ thẻ kho vào Sổ số dư. Sổ số dư do kế toán lập cho từng kho và theo dõi trong cả năm, giao cho thủ kho ghi. Cuối kỳ kế toán tiến hành tính tiền trên Sổ số dư và đối chiếu tồn kho từng Danh điểm NVL trên Sổ số dư với tồn kho trên Bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn.

Khóa luận tốt nghiệp

SỔ SỐ DƯ

Kho: 1

Năm: 2009

Số danh điểm	Tên vật liệu	ĐVT	Số dư đầu năm		Tồn kho cuối tháng 1		Tồn kho cuối tháng 2	
			SL	TT	SL	TT	SL	TT
21.05.00200	Cám 552 S	kg	178.500	1.534.926	178.500	1.534.926	178.500	1.534.926
...						
Cộng								

- Công ty nên sử dụng tài khoản 159- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Trong thực tế, việc trích lập các khoản dự phòng là rất quan trọng, nó giúp cho đơn vị đánh giá được giá trị thực của tài sản hiện có. Là một Công ty có số lượng NVL nhiều do đó mà không thể tránh khỏi hiện tượng giảm giá của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của NVL. Do đó, việc lập quỹ dự phòng cho vật tư, hàng hóa là cần thiết nhằm bù đắp những thiệt hại thực tế có thể xảy ra.

Mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho = Số lượng hàng tồn kho tại thời điểm lập BCTC * Giá gốc hàng tồn kho theo sổ kế toán – Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Khóa luận tốt nghiệp

Hạch toán dự phòng giảm giá HTK sử dụng tài khoản 159 – Dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Tài khoản này có kết cấu như sau:

- Bên Nợ: Hoàn nhập số dự phòng giảm giá HTK
- Bên Có: Lập dự phòng giảm giá HTK
- Số dư Có: Dự phòng giảm giá HTK hiện có

Cuối niên độ kế toán, căn cứ vào mức trích lập dự phòng giảm giá HTK ghi:

- Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán (chi tiết dự phòng giảm giá HTK)
- Có TK 159: Dự phòng giảm giá HTK

Nếu mức dự phòng năm sau cao hơn năm trước Công ty tiến hành trích lập thêm theo bút toán trên. Nếu thấp hơn thì số chênh lệch được hoàn nhập:

- Nợ TK 159: Mức hoàn nhập dự phòng
- Có TK 632: Giá vốn hàng bán

KẾT LUẬN

Trong quá trình sản xuất kinh doanh nguyên vật liệu đóng vai trò quan trọng vừa là đối tượng lao động vừa là cơ sở vật chất, là thành phần cấu tạo nên sản phẩm và chiếm một tỷ trọng rất lớn trong tổng chi phí cấu thành nên sản phẩm do vậy hạch toán kế toán nguyên vật liệu là rất cần thiết không thể thiếu được đối với doanh nghiệp sản xuất. Nếu hạch toán tốt phần kế toán nguyên vật liệu sẽ giúp doanh nghiệp hạ thấp được giá thành sản phẩm, từ đó phát triển được lợi nhuận cho doanh nghiệp. Muốn hạ thấp được chi phí nguyên vật liệu thì từ khâu thu mua, dự trữ, bảo quản và sản xuất nguyên vật liệu cần phải thực hiện một cách đồng bộ.

Cùng với sự phát triển của công ty, hệ thống quản lý nói chung và bộ máy kế toán nói riêng đặc biệt là phần hành kế toán nguyên vật liệu không ngừng được thực hiện đáp ứng yêu cầu của sản xuất kinh doanh phục vụ kịp thời cho quá trình sản xuất được hoạt động liên tục. Song bên cạnh những ưu điểm còn một số hạn chế như đã trình bày ở trên. Trong phân tích tình hình thực tế về công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty kết hợp với việc nghiên cứu cơ sở lý luận cơ bản, em đã mạnh dạn xin đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện thêm một bước công tác tổ chức hạch toán nguyên vật liệu ở Công ty cổ phần nuôi trồng và chế biến thực phẩm Nam Triệu với nội dung trình bày khóa luận tốt nghiệp: “Tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần nuôi trồng và chế biến thực phẩm Nam Triệu” như trên. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo, các anh chị phòng tài chính kế toán ở Công ty.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của cô giáo Lương Khánh Chi và các cán bộ phòng tài chính kế toán đã giúp đỡ em hoàn thành đề tài này.

SINH VIÊN

Nguyễn Thanh Hoa